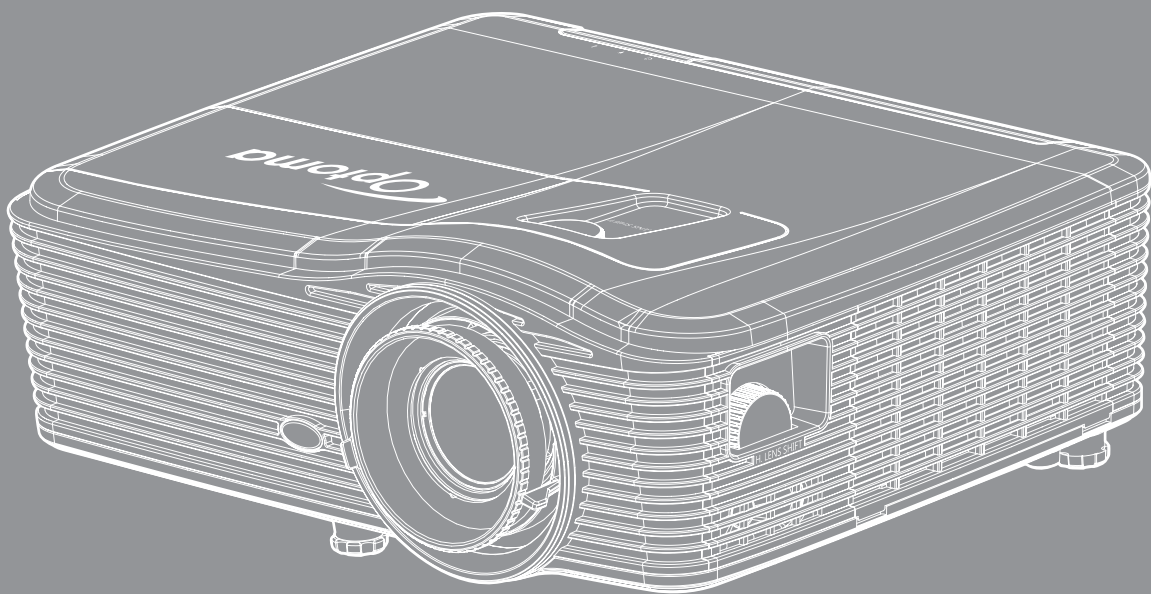




Máy chiếu DLP®



Sổ hướng dẫn sử dụng

HDMI™
HIGH DEFINITION MULTIMEDIA INTERFACE

PICTURE BY
DLP®
TEXAS INSTRUMENTS

MỤC LỤC

AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn về an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Thông tin an toàn 3D.....</i>	<i>5</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>6</i>
<i>Khước từ trách nhiệm.....</i>	<i>6</i>
<i>Nhận biết thương hiệu</i>	<i>6</i>
<i>FCC</i>	<i>7</i>
<i>Tuyên bố về sự phù hợp của các quốc gia Liên minh Châu Âu</i>	<i>7</i>
<i>WEEE.....</i>	<i>7</i>
GIỚI THIỆU	8
<i>Tổng quan về gói sản phẩm.....</i>	<i>8</i>
<i>Phụ kiện chuẩn.....</i>	<i>8</i>
<i>Phụ kiện tùy chọn.....</i>	<i>8</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm</i>	<i>9</i>
<i>Các đầu nối</i>	<i>10</i>
<i>Bàn phím</i>	<i>11</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>12</i>
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT	13
<i>Lắp đặt máy chiếu</i>	<i>13</i>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu</i>	<i>17</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa</i>	<i>18</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	20
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu.....</i>	<i>20</i>
<i>Chọn nguồn đầu vào</i>	<i>22</i>
<i>Điều hướng menu và các tính năng</i>	<i>23</i>
<i>Sơ đồ menu OSD</i>	<i>24</i>
<i>Menu hình.....</i>	<i>31</i>
<i>Menu hình nâng cao.....</i>	<i>32</i>
<i>Menu tín hiệu cải tiến hình (RGB)</i>	<i>34</i>
<i>Menu tín hiệu cải tiến hình (video)</i>	<i>35</i>
<i>Hiển thị menu</i>	<i>35</i>
<i>Hiển thị menu 3D.....</i>	<i>40</i>
<i>Menu thiết lập.....</i>	<i>41</i>
<i>Menu Thiết lập Bảo mật</i>	<i>43</i>
<i>Menu Thiết lập Cài đặt Âm thanh</i>	<i>44</i>
<i>Menu Thiết lập nâng cao.....</i>	<i>45</i>

Menu Thiết lập cài đặt mạng LAN.....	46
Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.....	48
Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.....	49
Menu Tùy chọn.....	54
Menu tùy chọn (tiếp theo).....	55
Tùy chọn menu cài đặt từ xa.....	56
Tùy chọn menu nâng cao.....	57
Tùy chọn menu cài đặt đèn.....	59
Menu Tùy chọn.....	59
Tùy chọn menu cài đặt bộ lọc tùy chọn.....	60
Thiết lập 3D.....	61



BẢO DƯỠNG 62

Thay bóng đèn.....	62
Thay mới đèn (tiếp theo).....	63
Vệ sinh tấm lọc bụi.....	64

THÔNG TIN BỔ SUNG 66

Độ phân giải tương thích.....	66
Cỡ hình và khoảng cách chiếu.....	68
Xác định vị trí tâm dịch chuyển ống kính.....	73
Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần.....	76
Danh sách chức năng giao thức RS232.....	77
Mã điều khiển từ xa hồng ngoại.....	85
Sử dụng nút Thông tin.....	88
Khắc phục sự cố.....	89
Chỉ báo cảnh báo.....	90
Thông số kỹ thuật.....	92
Văn phòng toàn cầu của Optoma.....	94

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

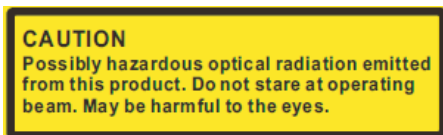
Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Hướng dẫn về an toàn quan trọng

- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.



- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng, RG2.
Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.



CHÚ Ý: Bức xạ quang học có thể gây nguy hại phát ra từ sản phẩm này. Không nhìn chằm vào chùm tia đang sáng. Có thể gây hại cho mắt.

- Không dùng máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện các loại khí dễ cháy nổ trong môi trường. Đèn bên trong máy chiếu trở nên rất nóng khi đang sử dụng và khí có thể bốc cháy và gây ra hỏa hoạn.
- Không sử dụng nắp thấu kính khi máy chiếu đang hoạt động.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.

- Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
- Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
- Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng và có thể tan chảy, gây bỏng hoặc phát cháy.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Hãy để thiết bị nguội trước khi thay đèn. Thực hiện theo các hướng dẫn như mô tả ở trang 62-63.
- Máy chiếu này sẽ tự phát hiện tuổi thọ của bóng đèn. Vui lòng đảm bảo thay bóng đèn khi nó hiển thị các thông báo cảnh báo.
- Cài lại chức năng "Thiết lập lại đèn" từ menu hiển thị trên màn hình "Tùy chọn > Các chế độ của bóng đèn" sau khi thay cụm đèn (tham khảo trang 59).
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Khi đèn đạt đến mức hết hạn sử dụng, thông báo "Vượt quá tuổi thọ đèn." sẽ hiển thị trên màn hình. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng hoặc trung tâm bảo hành trong nước để được thay đèn càng sớm càng tốt.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.

Lưu ý: Khi bóng đèn hết tuổi thọ sử dụng, máy chiếu sẽ không bật được cho đến khi cụm đèn được thay. Để thay mới đèn, hãy thực hiện theo quy trình trong phần "Thay mới đèn" ở trang 62-63.

- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.

Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

Cảnh báo

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

Cảnh báo về Co giật Do Nhảy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quỵ khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quỵ, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng chức năng 3D.
- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hoặc đột quỵ cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) váng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mắt hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.
- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, KHÔNG để MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2017

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

IBM là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Công ty Business Machines. Microsoft, PowerPoint và Windows là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Microsoft.

Adobe và Acrobat là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Công ty Adobe Systems.

DLP®, DLP Link và logo DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiểu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố về sự phù hợp của các quốc gia Liên minh Châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EC về điện thế thấp
- Chỉ thị 1999/5/EC về R & TTE (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không bỏ thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

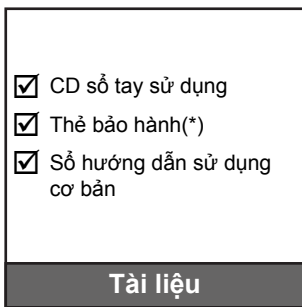
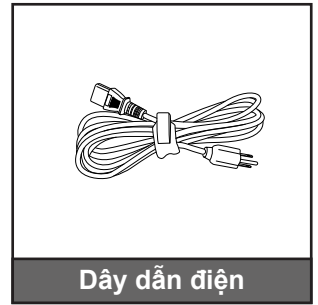
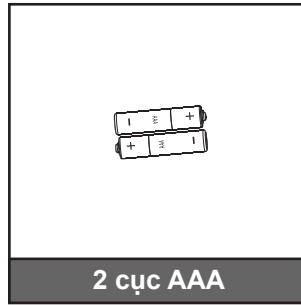
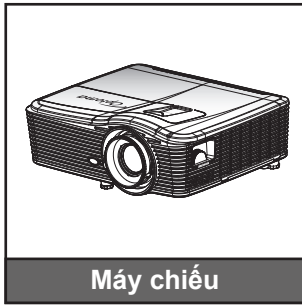
GIỚI THIỆU

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

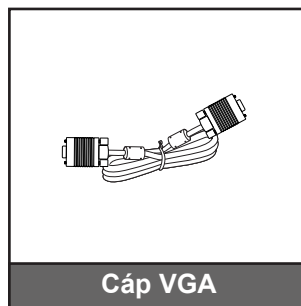
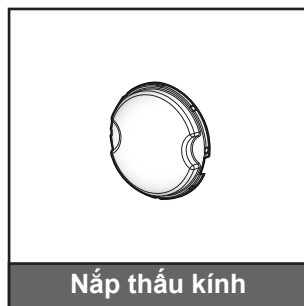
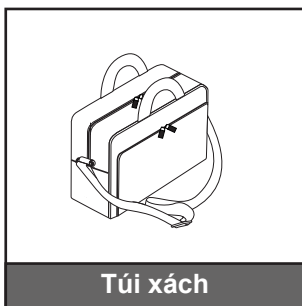
Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn



Lưu ý: (*) Để có thông tin bảo hành cho khu vực châu Âu, vui lòng truy cập www.optomaeurope.com.

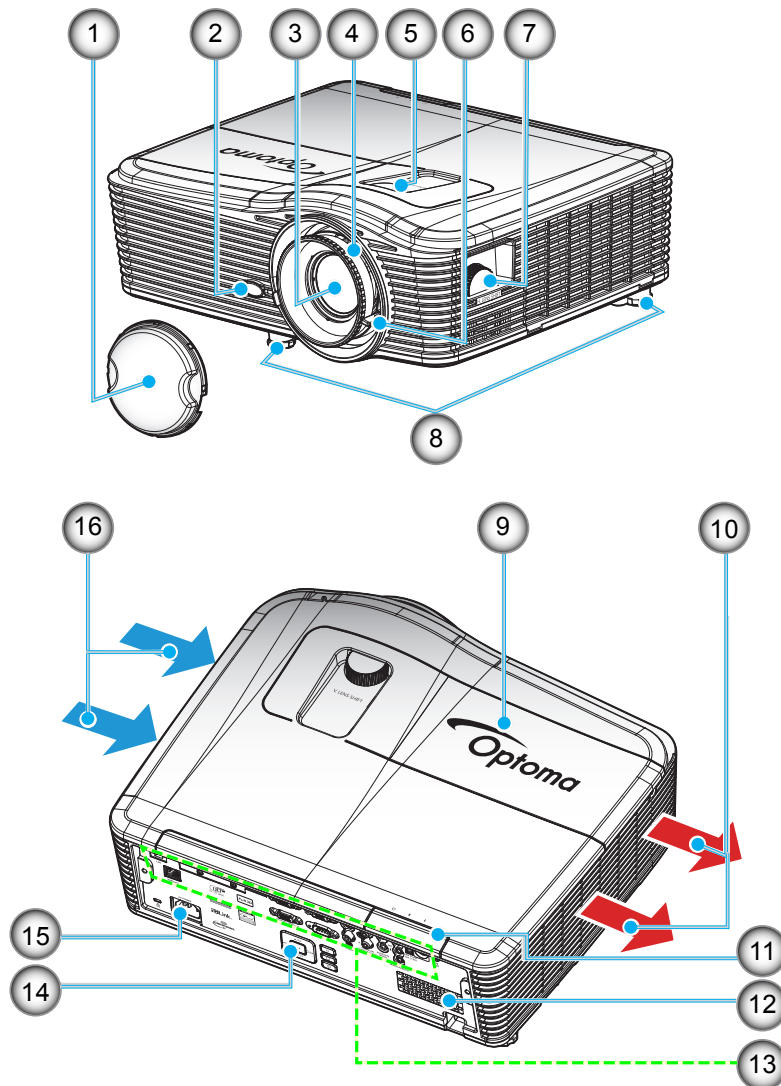
Phụ kiện tùy chọn



Lưu ý: Các phụ kiện tùy chọn khác nhau tùy thuộc vào mẫu, thông số kỹ thuật và khu vực.

GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



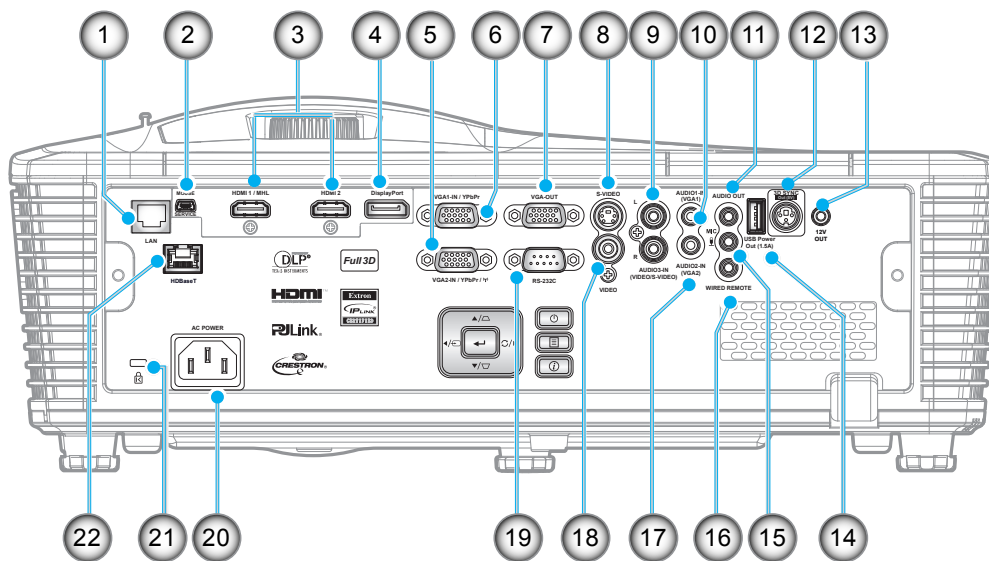
Lưu ý: Không được bịt kín các lỗ thông khí ra/vào máy chiếu.

(*) Phụ kiện tùy chọn khác nhau tùy thuộc vào mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Nắp thấu kính (*)	9.	Nắp đèn
2.	Bộ thu hồng ngoại	10.	Thông khí (cửa thoát)
3.	Thấu kính	11.	Bộ thu hồng ngoại
4.	Vòng chỉnh tiêu điểm	12.	Loa
5.	Dịch chuyển ống kính (dọc)	13.	Kết nối vào/ra
6.	Vòng chỉnh thu phóng	14.	Bàn phím
7.	Dịch chuyển ống kính (ngang)	15.	Ổ cắm điện
8.	Chân chỉnh độ nghiêng	16.	Thông khí (cửa nạp)

GIỚI THIỆU

Các đầu nối



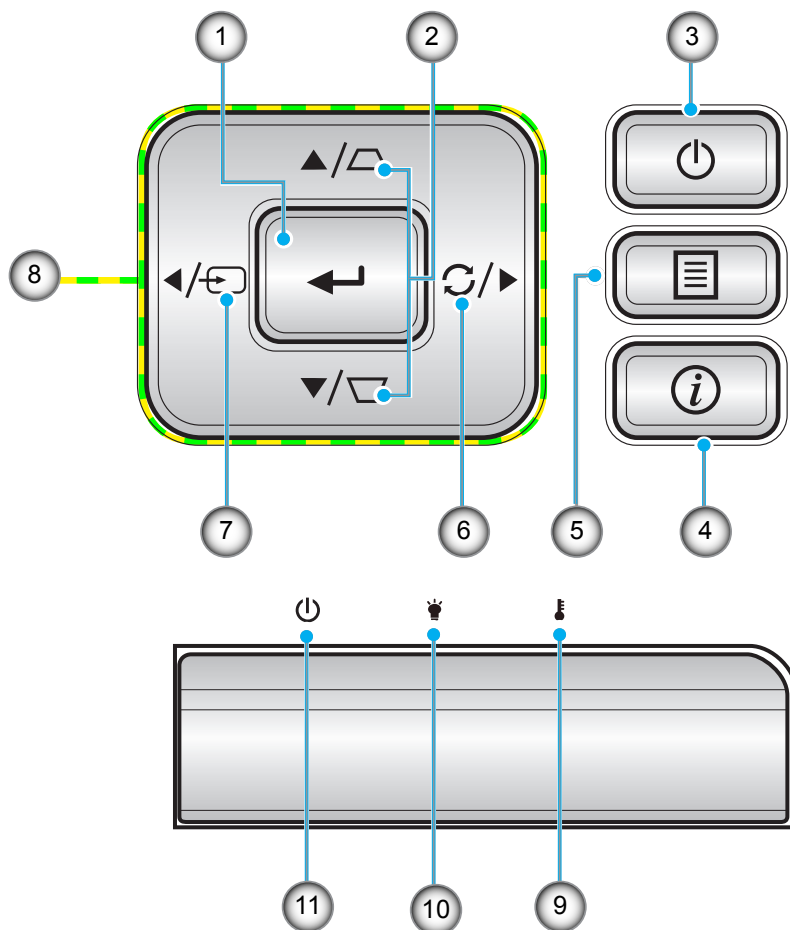
STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu cắm RJ-45	12.	Đầu ra đồng bộ hóa 3D (5V)
2.	Đầu cắm mini USB-B (Nâng cấp firmware)	13.	Đầu cắm khởi động 12V
3.	1 đầu cắm HDMI và HDMI/MHL	14.	Đầu ra nguồn điện USB (1,5A)
4.	Đầu cắm DisplayPort	15.	Đầu cắm micro
5.	Đầu cắm VGA2 In/YPbPr/(*)	16.	Đầu cắm điều khiển từ xa có dây
6.	Đầu cắm VGA1 In/YPbPr	17.	Đầu cắm Audio2-In(VGA2)
7.	Đầu cắm VGA Out	18.	Đầu cắm video
8.	Đầu cắm S-video	19.	Đầu cắm RS232C
9.	Đầu cắm Audio3-In (Video/S-Video)	20.	Ổ cắm điện
10.	Đầu cắm Audio1-In(VGA1)	21.	Cổng khóa Kensington™
11.	Đầu Ra Âm thanh	22.	Đầu cắm HDBaseT(*)

Lưu ý:

- Chuột điều khiển từ xa cần bộ điều khiển từ xa đặc biệt.
- (*)Chỉ trên trên các mẫu có đầu cắm HDBaseT.

GIỚI THIỆU

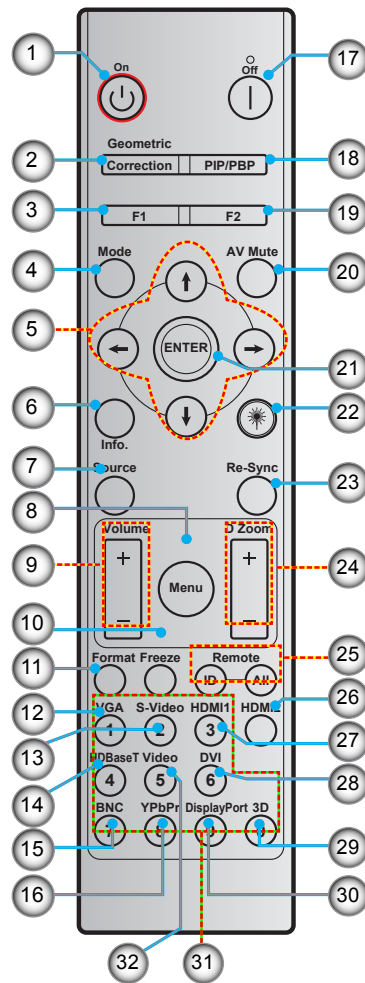
Bàn phím



STT	Mục	STT	Mục
1.	Enter	7.	Source
2.	Hiệu chỉnh độ méo	8.	Bốn phím chọn điều hướng
3.	Nguồn	9.	Đèn LED nhiệt độ
4.	Thông tin	10.	Đèn LED bóng đèn
5.	Menu	11.	Đèn LED Bật/Chờ
6.	Re-Sync		

GIỚI THIỆU

Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Bật nguồn	17.	Tắt nguồn
2.	Geometric Correction	18.	PIP/PBP
3.	Nút chức năng (F1) (Có thể gán được)	19.	Nút chức năng (F2) (Có thể gán được)
4.	Mode	20.	Chặn AV
5.	Bốn phím chọn điều hướng	21.	Enter
6.	Thông tin	22.	Laser
7.	Source	23.	Re-Sync
8.	Menu	24.	D Zoom (Thu phóng kỹ thuật số)
9.	Tăng/giảm âm lượng	25.	Mã điều khiển từ xa/điều khiển từ xa tắt cả
10.	Đóng băng	26.	HDMI2
11.	Định dạng (Tỷ lệ khung hình)	27.	HDMI1
12.	VGA	28.	DVI
13.	S-Video	29.	3D
14.	HDBaseT	30.	Cổng DisplayPort
15.	BNC	31.	Bàn phím số (0-9)
16.	YPbPr	32.	Video

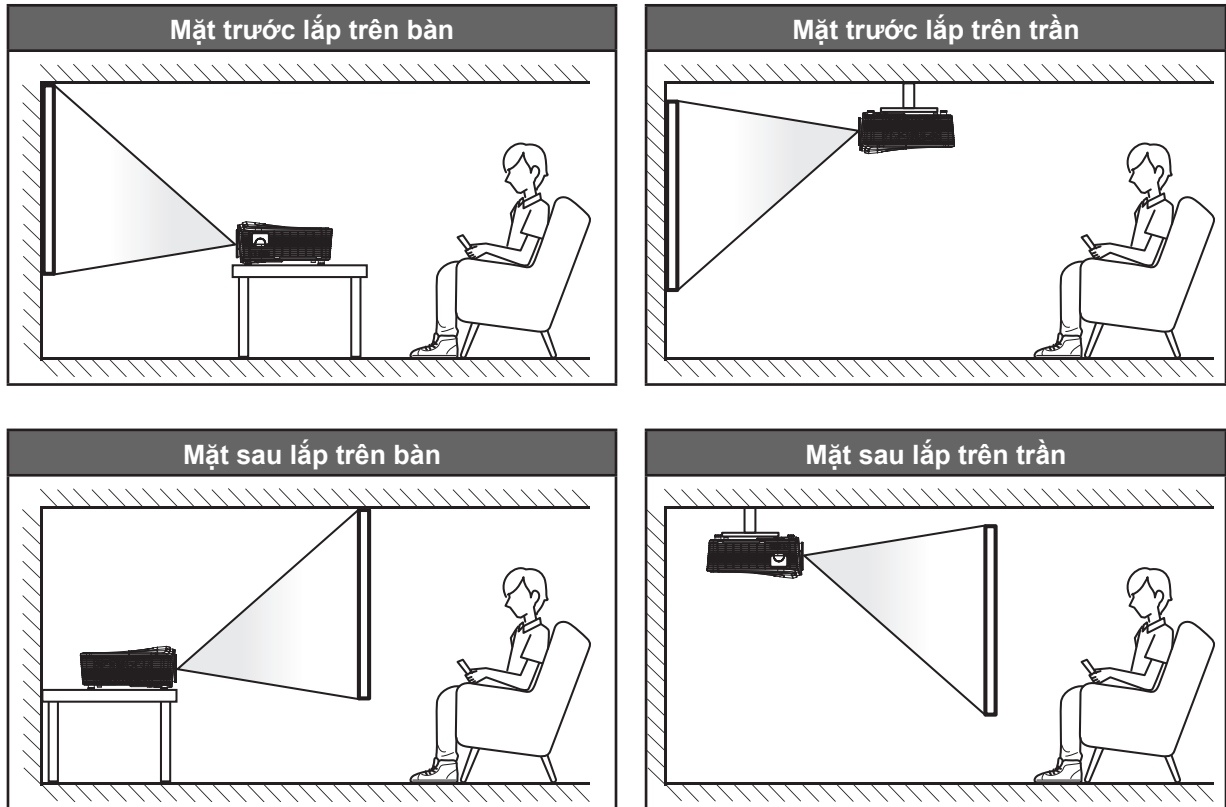
Lưu ý: Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

- Về cách xác định địa điểm lắp đặt máy chiếu theo kích thước màn hình có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 68-72.
- Về cách xác định kích thước màn hình theo khoảng cách có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở các trang 68-72.

Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

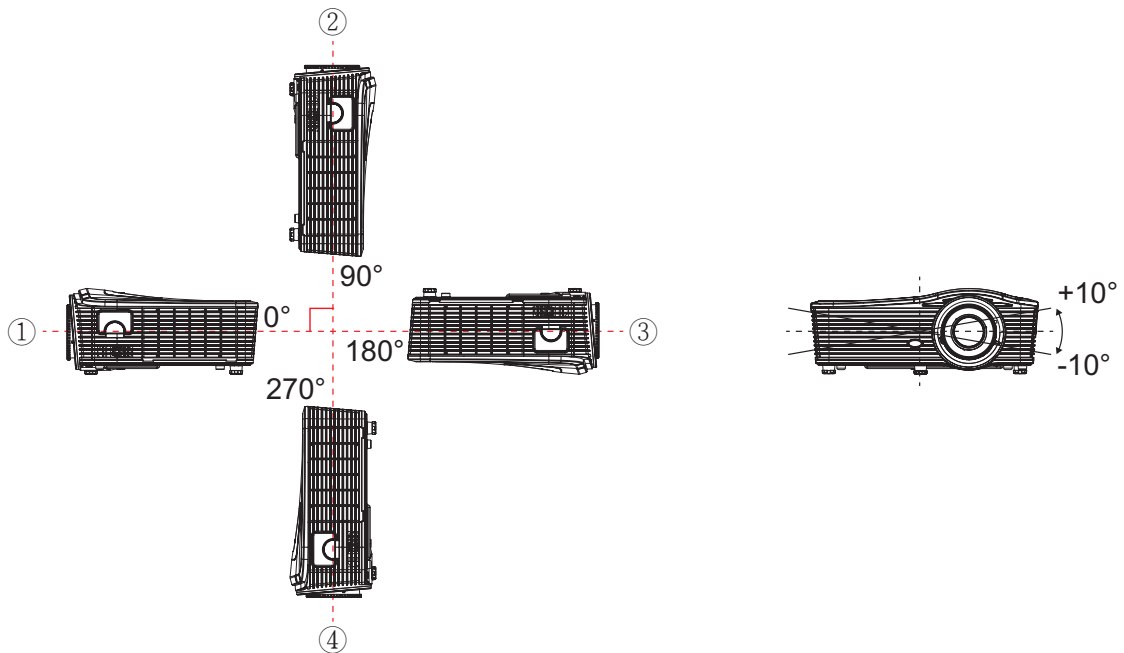
Thông báo lắp đặt máy chiếu

- Nếu lắp đặt máy chiếu để sử dụng đèn chuẩn, bạn có thể nghiêng nó theo các góc sau:

Thẳng đứng: Bốn góc chiếu có thể được lắp đặt trong phạm vi $\pm 10^\circ$

- Đỉnh bàn (0°)
- Chiếu từ dưới lên (90°)
- Lắp trên trần (180°)
- Chiếu từ trên xuống (270°)

Nằm ngang: Trong phạm vi $\pm 10^\circ$

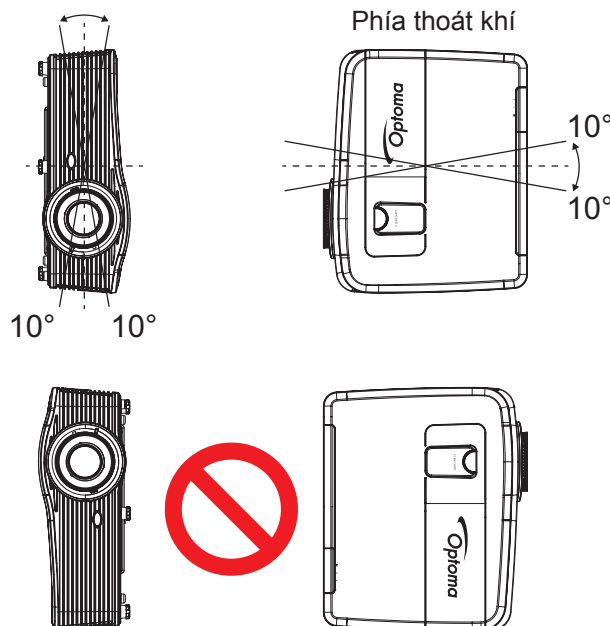


- Nếu lắp đặt máy chiếu để sử dụng chế độ thẳng đứng, bạn có thể nghiêng nó theo các góc sau:

Thẳng đứng: Trong phạm vi $\pm 10^\circ$

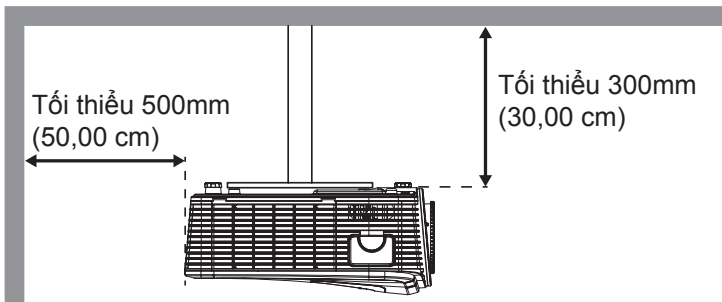
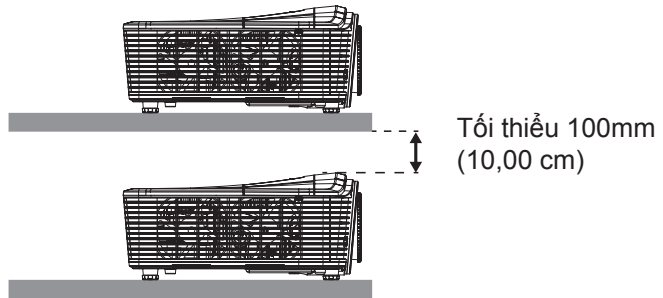
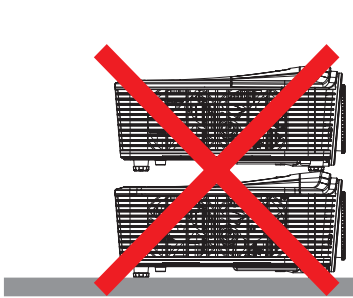
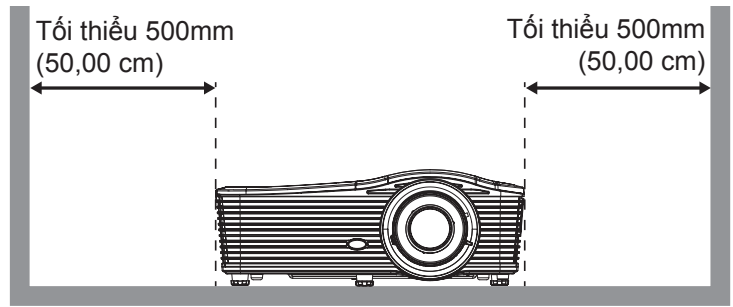
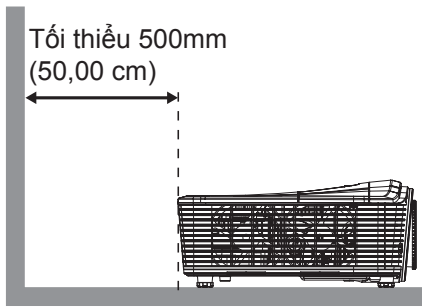
Nằm ngang: Trong phạm vi $\pm 10^\circ$

Lưu ý: Phía thoát khí của máy chiếu phải hướng lên trên để lắp đặt thẳng đứng.



THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

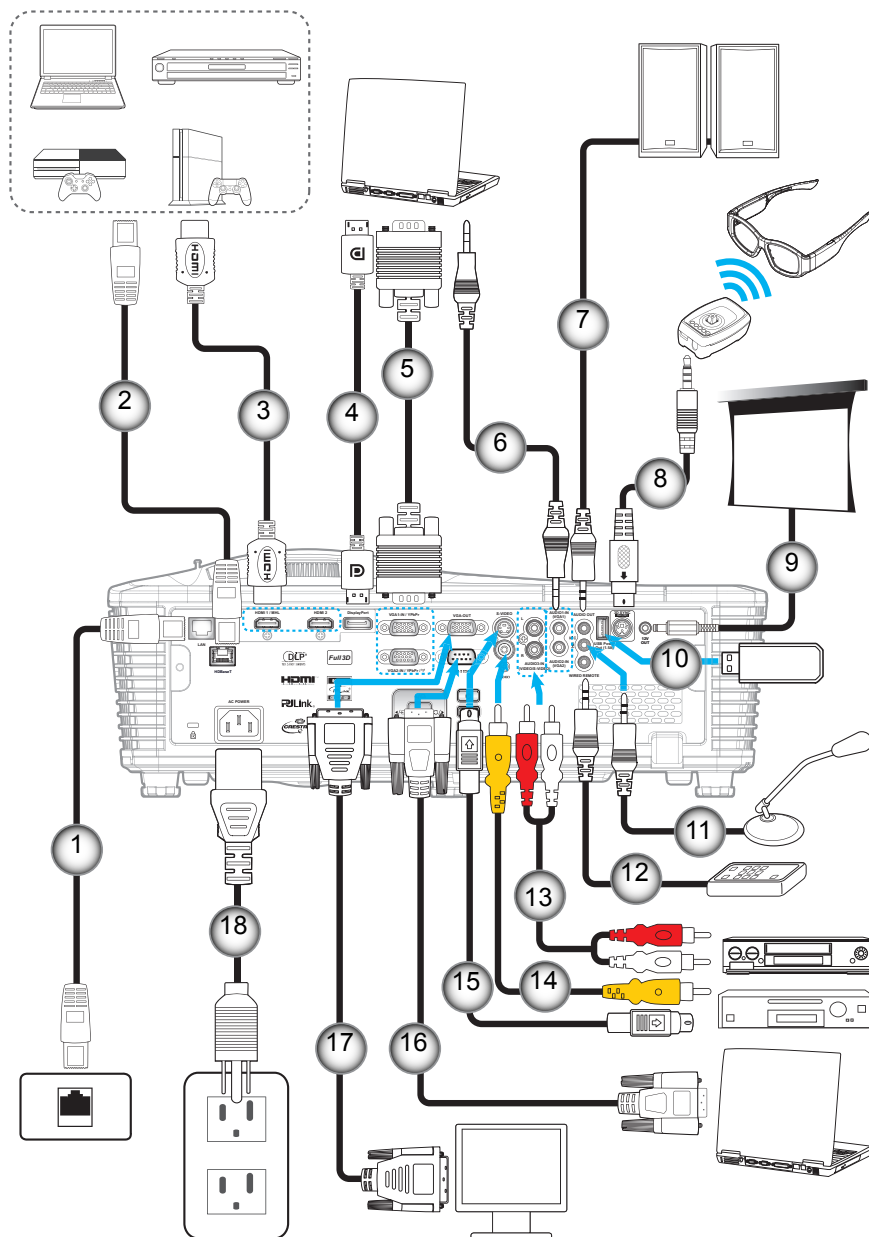
- Để khoảng trống tối thiểu 50 cm xung quanh quạt xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục	STT	Mục
1.	Cáp RJ-45	10.	Bộ thu phát USB/Bộ sạc pin USB
2.	Cáp RJ-45 (cáp Cat5)	11.	Cáp micro
3.	Cáp HDMI/MHL	12.	Cáp điều khiển từ xa có dây
4.	Cáp DisplayPort	13.	Cáp đầu vào âm thanh
5.	Cáp VGA	14.	Cáp video
6.	Cáp đầu vào âm thanh	15.	Cáp S-Video
7.	Cáp Đầu ra Âm thanh	16.	Cáp RS232
8.	Cáp Bộ phát 3D	17.	Cáp ra VGA
9.	Giắc cắm điện DC 12V	18.	Dây nguồn

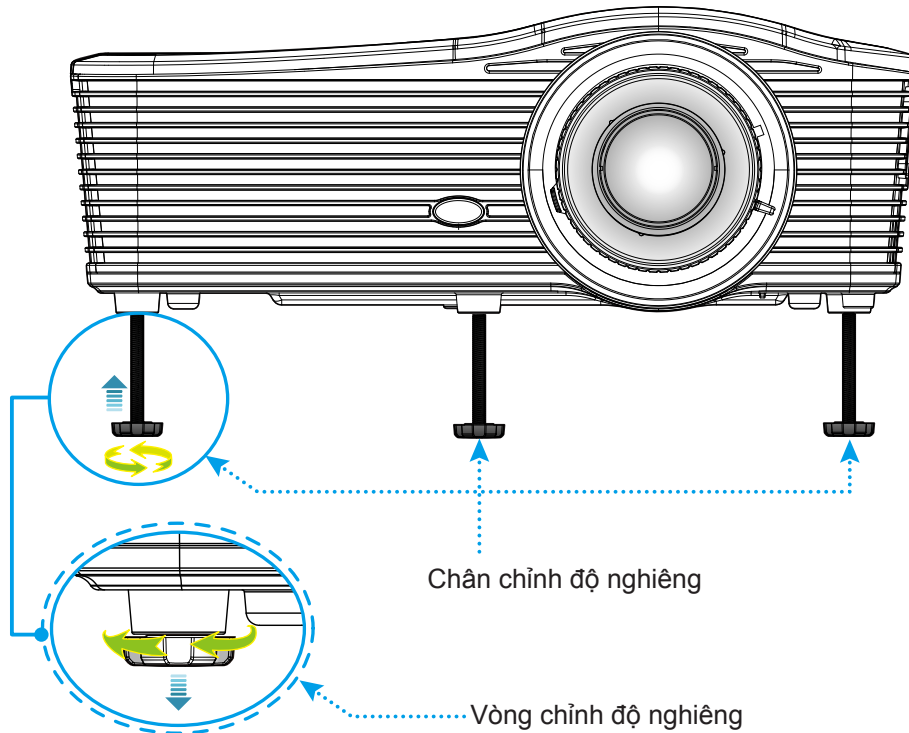
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

Chiều cao hình

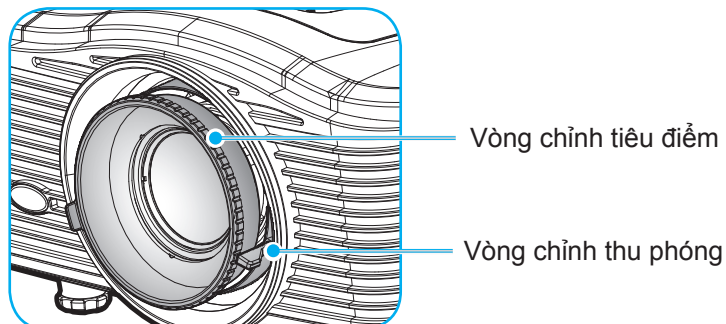
Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



Thu phóng và lấy nét

- Để chỉnh cỡ hình, hãy xoay tay gạt phóng thu theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình sắc nét và rõ ràng.



Lưu ý: Máy chiếu sẽ tập trung ở khoảng cách như sau:

- XGA: 51,2" ~ 307,1" (1,3 ~ 7,8m)
- WXGA: 26,6" ~ 302,1" (0,6 ~ 7,6m)
- 1080P: 51,2" ~ 315,0" (1,3 ~ 8,0m)
- WUXGA: 51,2" ~ 307,1" (1,3 ~ 7,8m)

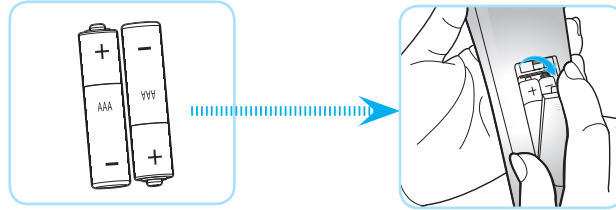
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

Hai cục pin cỡ AAA được kèm theo điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp đậy pin ở mặt sau điều khiển từ xa.
2. Lắp các cục pin AAA vào như hình minh họa.
3. Lắp lại nắp đậy phía sau vào điều khiển từ xa.



Lưu ý: Chỉ nên thay mới bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương.

CHÚ Ý

Sử dụng pin không thích hợp có thể gây ra rò rỉ hóa chất hoặc cháy nổ. Đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn bên dưới.

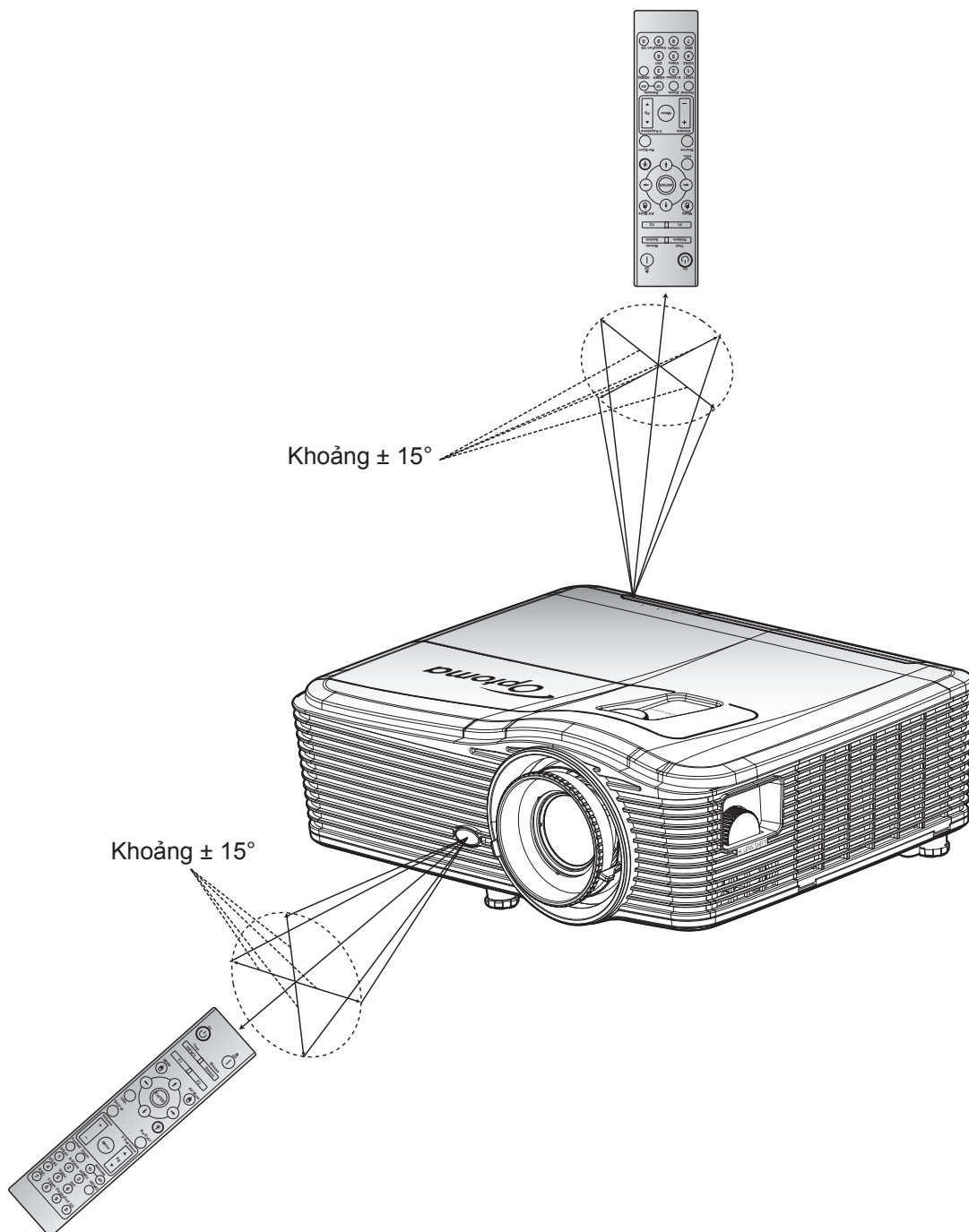
- Không được kết hợp với loại pin khác. Loại pin khác nhau có những đặc điểm khác nhau.
- Không được kết hợp pin cũ với pin mới. Kết hợp pin cũ với pin mới có thể rút ngắn tuổi thọ pin mới hoặc gây rò rỉ hóa chất ở pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng bị cạn kiệt. Hóa chất rò rỉ từ pin tiếp xúc với da có thể gây mẩn ngứa. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy lau kỹ bằng khăn.
- Pin kèm theo sản phẩm này có thể có tuổi thọ dự kiến ngắn hơn do các điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong thời gian dài, hãy tháo pin ra.
- Khi thải bỏ pin, bạn phải tuân thủ luật pháp tại khu vực hoặc quốc gia liên quan.

Phạm vi hoạt động

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía sau máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với các cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa hơn 7 mét (khoảng 701,04 cm).

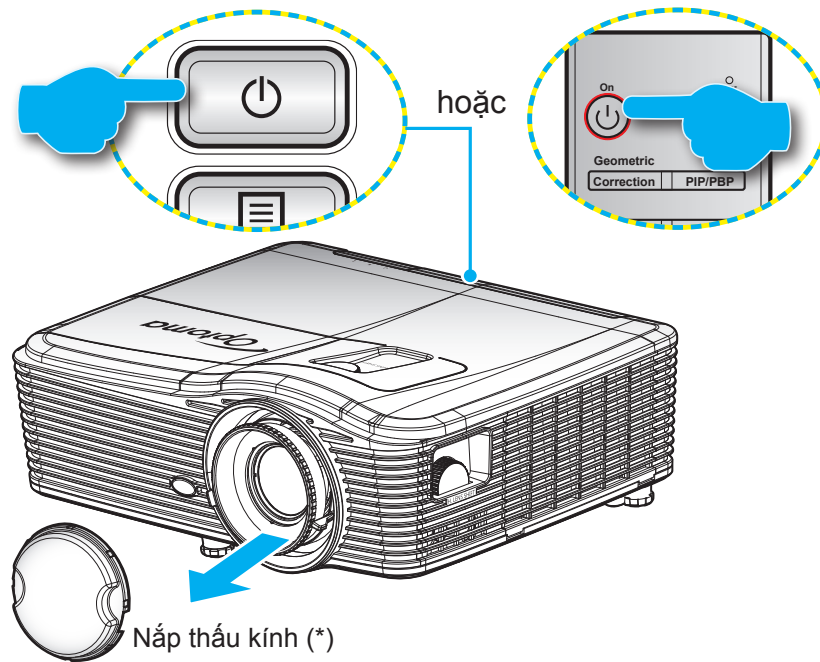
- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn hình, khoảng cách hoạt động ngắn hơn 5 mét so từ điều khiển từ xa đến màn hình và phản chiếu các tia IR trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu



Bật nguồn

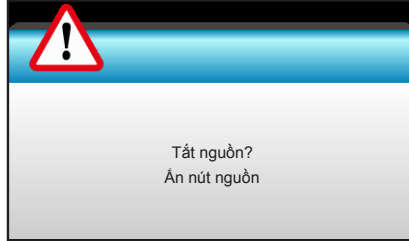
1. Tháo nắp đậy ống kính (*).
2. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED Bật/Chế độ chờ sẽ chuyển sang màu vàng.
3. Bật máy chiếu bằng cách nhấn "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
4. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED Bật/Chờ sẽ sáng một màu đỏ.

Lưu ý: Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được yêu cầu chọn ngôn ngữ ưu tiên, hướng chiếu và một vài cài đặt khác.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:



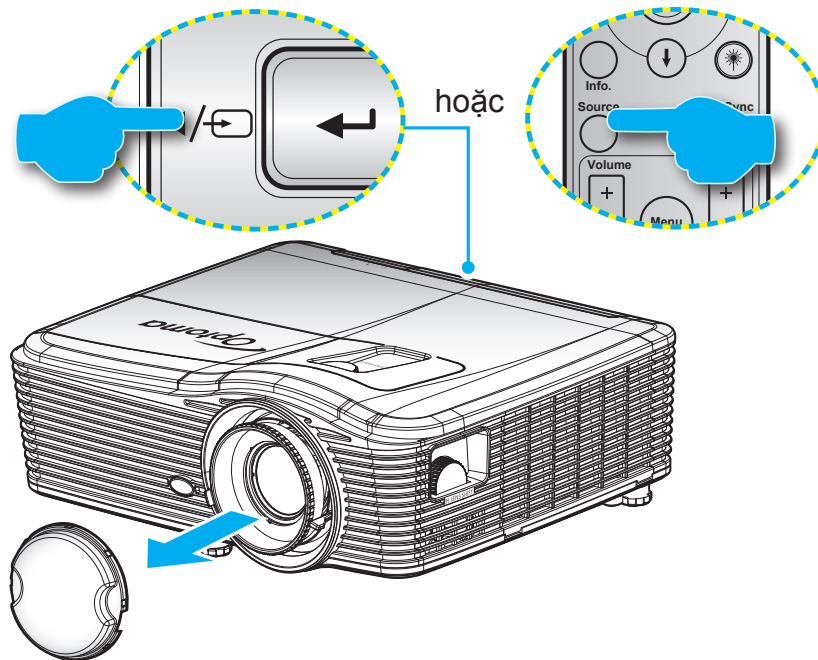
3. Nhấn lại nút "⏻" để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút "⏻" trong một giây, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động khoảng 10 giây theo chu kỳ làm nguội và đèn LED Bật/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi đèn LED Bật/Chờ sáng một màu đỏ, máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút "⏻" để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: (*) Phụ kiện tùy chọn khác nhau tùy thuộc vào mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực. Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn đầu vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình (máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v...). Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn đó. Nếu đã kết nối nhiều nguồn tín hiệu, hãy nhấn nút nguồn trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Điều hướng menu và các tính năng

Máy chiếu có các menu Hiển thị trên màn hình đa ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn đó.

1. Để mở menu OSD, nhấn phím "Menu" trên điều khiển từ xa hoặc bàn phím máy chiếu.
2. Khi menu OSD hiển thị, sử dụng các phím ◀▶ để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang riêng, nhấn ▼ hoặc phím "Enter" để vào menu phụ.
3. Sử dụng các phím ▲▼ để chọn mục mong muốn trong menu phụ rồi nhấn ▶ hoặc phím "Enter" để xem thêm các cài đặt. Chỉnh các cài đặt bằng phím ◀▶.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn "Enter" hoặc "Menu" để xác nhận, và màn hình sẽ trở về menu chính.
6. Để thoát, nhấn lại nút "Menu". Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị			
HÌNH ẢNH	Chế độ hiển thị		Chế độ trình diễn	Chế độ mặc định[Chế độ trình diễn] Lưu ý: Mỗi chế độ có thể điều chỉnh và lưu theo từng chế độ			
			Sáng				
			Chế độ xem phim				
			sRGB				
			Bảng đen				
			DICOM SIM.				
			Người sử dụng				
	Độ sáng			-50~50			
	Độ tương phản			-50~50			
	Độ sắc nét			1~15			
	Màu sắc			-50~50			
	Sắc thái			-50~50			
	Nâng cao			BrilliantColor™	1~10		
				Gamma	Phim		
					Đồ họa		
					1.8		
					2.0		
					2.2		
					2.6		
					Bảng đen		
				DICOM			
				Mức độ màu	Ấm		
					Tiêu chuẩn		
					Nhiệt độ màu		
					Lạnh		
				Không gian màu	Không có đầu vào HDMI: - Tự động / RGB / YUV		
					Đầu vào HDMI: - Tự động / RGB(0~255) / RGB(16~235)/ YUV		
				Tăng cường/Lệch RGB			Tăng sắc đỏ
Tăng sắc lục							-50~50
Tăng sắc lam	-50~50						
Độ lệch sắc đỏ	-50~50						
Độ lệch sắc lục	-50~50						
Độ lệch sắc lam	-50~50						
Thiết lập lại							
Thoát							

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị		
HÌNH ẢNH	Nâng cao	Tinh chỉnh màu	Đỏ	Màu sắc/Độ bão hòa/Tăng cường [-50~50]		
			Lục	Màu sắc/Độ bão hòa/Tăng cường [-50~50]		
			Lam	Màu sắc/Độ bão hòa/Tăng cường [-50~50]		
			Xanh ngọc	Màu sắc/Độ bão hòa/Tăng cường [-50~50]		
			Đỏ thẫm	Màu sắc/Độ bão hòa/Tăng cường [-50~50]		
			Vàng	Màu sắc/Độ bão hòa/Tăng cường [-50~50]		
			Trắng	Đỏ/Lục/Lam		
			Thiết lập lại			
			Thoát			
		Tín hiệu (RGB)	Tự động	Bật Tắt		
			Pha	0~31		
			Tần số	-10~10		
			Vị trí.Ngang	-5~5		
			Vị trí.Dọc	-5~5		
			Thoát			
		Tín hiệu (Video)	Mức trắng	0~31		
			Mức đen	-5~5		
			IRE	0/7,5 (Chỉ NTSC)		
			Thoát			
		Thoát				
		Thiết lập lại				
		HIỂN THỊ	Định dạng		XGA: 4:3, 16:9, Tự nhiên, - Tự động	
					1080p: 4:3, 16:9, LBX, Tự nhiên, - Tự động	
	WUXGA: 4:3, 16:9 hoặc 16:10, Tự nhiên, - Tự động					
Zoom				-5~25		
Mặt nạ biên				0~10		
Dịch chuyển hình ảnh	Vị trí ảnh phương ngang		Phải/trái (biểu tượng ở giữa)		-100~100	
	Vị trí ảnh phương dọc		Trên/dưới (biểu tượng ở giữa)		-100~100	
Geometric Correction	H Keystone				-30~30	
	Chỉnh hình chiều dọc				-30~30	
	Tự chỉnh vuông hình dọc		Bật Tắt		Chế độ mặc định [Tắt]	
	Four Corners		Trên-Trái			
			Trên-Phải			
Dưới-Trái						

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị	
HIỂN THỊ	Geometric Correction	Four Corners	Dưới-Phải (BIỂU TƯỢNG)		
		Thiết lập lại			
	3D	Chế độ 3D		Kết nối DLP	
				VESA 3D	
				Tắt	
		3D->2D		3D	
				L	
				R	
		Định dạng 3D		- Tự động	
				Bên cạnh	
			Trên và dưới		
	Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D		Bật		
			Tắt		
	Thoát				
Cài đặt	Ngôn ngữ		English		
			Deutsch		
			Français		
			Italiano		
			Español		
			Português		
			Svenska		
			Nederlands		
			Norsk/Dansk		
			Polski		
			Русский		
			Suomi		
			Ελληνικά		
			Magyar		
			Čeština		
			عربي		
			繁體中文		
			簡體中文		
			日本語		
			한국어		
			ไทย		
			Türkçe		
	Farsi				
	Tiếng Việt				
	Română				
	Bahasa Indonesia				
	Slovakian				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị		
CÀI ĐẶT	Trình chiếu		Mặt trước			
			Mặt sau			
			Front-Ceiling			
			Rear-Ceiling			
	Loại màn chiếu			16:10		
				16:9		
				WXGA		
				WUXGA		
	Vị trí thực đơn			Trái trên		
				Phải trên		
				Trọng tâm		
				Trái dưới		
				Phải dưới		
	Bảo mật	Bảo mật		Bật Tắt		
		Bộ đếm thời gian an toàn		Tháng Ngày Giờ		
		Đổi mật khẩu				
		Thoát				
		Mã nhận dạng (ID)				00~99
	Cài đặt âm thanh	Tích hợp loa		Bật Tắt		
		Tắt tiếng		Bật Tắt		
		Volume			Âm thanh	0~10
					Micro	0~10
		Đầu vào âm thanh			Chế độ mặc định	- Âm thanh 3-> L/R (Trái/phải)
					AUDIO1	- Âm thanh 1, 2->giắc cắm mini
					AUDIO2	Chế độ mặc định: -VGA1->Âm thanh 1 -VGA2->Âm thanh 2 -Video, S-video ->Âm thanh 3
				AUDIO3		
	Audio Out(Standby)			Bật Tắt	Chế độ mặc định [Tắt]	
	Thoát					
	Nâng cao	Biểu tượng			Chế độ mặc định	
					Tự nhiên	
					Người sử dụng	
		Chế độ chụp hình nền				
Đóng chụp hình nền				Tắt		
				CC1 CC2		
Không dây				Bật	Chỉ hỗ trợ mẫu máy chiếu không có đầu cắm HDBaseT qua VGA2	
			Tắt			
Thoát						

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị
Các mẫu có đầu cắm HDBaseT	HDBaseT Control	Ethernet	Bật Tắt	Chế độ mặc định [Tắt]
		RS232	Bật Tắt	Chế độ mặc định [Tắt]
CÀI ĐẶT	Mạng	Thiết lập LAN	Tình trạng mạng	Kết nối / Ngắt kết nối (Chỉ đọc)
			DHCP	Bật Tắt [Chế độ mặc định Tắt]
			Địa chỉ IP	Chế độ mặc định [192.168.0.100]
			Subnet mask	Chế độ mặc định [255.255.255.0]
			Gateway	Chế độ mặc định [192.168.0.254]
			DNS	Chế độ mặc định [192.168.0.1]
			Địa chỉ MAC	Chỉ đọc
			Thoát	
		Thiết lập điều khiển	Crestron	Bật / Tắt (cổng: 41794)
			Extron	Bật / Tắt (cổng: 2023)
			PJ Link	Bật / Tắt (cổng: 4352)
			AMX Device Discovery	Bật / Tắt (cổng: 9131)
			Telnet	Bật / Tắt (cổng: 23)
			HTTP	Bật / Tắt (cổng: 80)
		Thoát		
		Thiết lập lại		
Tùy chọn	Nguồn tín hiệu vào	VGA1	Lưu ý: Tùy chọn HDBaseT chỉ có sẵn cho các mẫu máy chiếu có đầu cắm HDBaseT.	
		VGA2		
		Video		
		S-Video		
		HDMI1		
		HDMI2		
		Displayport		
		HDBaseT		
	Thoát			
	Khóa nguồn	Bật	[Chế độ mặc định bật] HDMI1 / HDMI2/ VGA1 / VGA2 / Video / S-Video/ DisplayPort/ HDBaseT	
		Tắt		
	Điều chỉnh tốc độ quạt	Bật	[Chế độ mặc định Tắt]	
		Tắt		
	Ấn thông tin	Bật	[Chế độ mặc định Tắt] Lưu ý: Thông tin cảnh báo & Tắt nguồn không bị ấn	
		Tắt		
	Khóa bàn phím	Bật	[Chế độ mặc định Tắt]	
Tắt				
Khoá chế độ hiển thị	Bật	[Chế độ mặc định Tắt]		
	Tắt			
Test pattern	Không			
	Lưới			
	Trắng			

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị	
Tùy chọn	Màu nền		Đen	[Xanh lam mặc định]	
			Đỏ		
			Lam		
			Lục		
			Trắng		
	Wall Color			Tắt	
				Light Yellow	
				Light Green	
				Light Blue	
				Pink	
				Mức xám	
	Thiết lập điều khiển	F1		HDMI2	[Chế độ mặc định "Test pattern"] Đối với các mẫu có đầu cắm HDBaseT, giá trị mặc định là "HDBaseT".
				DP	
				VGA2	
				S-Video	
				Test pattern	
				Zoom	
				Th.tin	
				Định dạng	
		F2		HDMI2	[Chế độ mặc định "Zoom"] Đối với các mẫu có đầu cắm HDBaseT, giá trị mặc định là "HDBaseT".
				DP	
				VGA2	
				S-Video	
				Test pattern	
				Zoom	
				Th.tin	
				Định dạng	
		F3		HDMI2	[Chế độ mặc định "Th.tin"] Đối với các mẫu có đầu cắm HDBaseT, giá trị mặc định là "HDBaseT".
				DP	
				VGA2	
				S-Video	
				Test pattern	
			Zoom		
			Th.tin		
			Định dạng		
Chức năng IR				Bật	
				Mặt trước	
				Đỉnh	
			Tắt		
Mã điều khiển			00~99	[Chế độ mặc định 00]	
			Thoát		
12V Trigger			Bật	[Chế độ mặc định bật]	
			Tắt		
Beep			Bật	[Chế độ mặc định bật]	
			Tắt		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu nâng cao	Menu mục đơn	Giá trị
Tùy chọn	Nâng cao	Bật nguồn trực tiếp	Bật	[Chế độ mặc định Tắt]
			Tắt	
		Bật nguồn điện	Bật	[Chế độ mặc định Tắt]
			Tắt	
		Tắt nguồn (phút)		0-180 (một bước: 5 phút)
		Hẹn giờ tắt máy (phút)		0-990 (một bước: 10 phút)
				Luôn Bật [kiểu ô kiểm, mặc định là chưa đánh dấu kiểm.]
	Chế độ chờ	Tích cực		
		Eco.		
	Thoát			
	Các chế độ của bóng đèn	Số giờ đèn hoạt động		
		Bộ nhắc đèn	Bật	[Chế độ mặc định Tắt]
			Tắt	
		Chế độ đèn	Sáng	
			Eco.	
			Nguồn	
		Nguồn	100%	
			95%	
			90%	
			85%	
	80%			
	Thiết lập lại đèn	Có		
		Không		
	Thoát			
	Lựa chọn cài đặt bộ lọc	Bộ lọc tùy chọn được thiết lập		Có
				Không
		Thời gian sử dụng bộ lọc		Chỉ đọc [Phạm vi 0~9999]
		Nhắc nhở bộ lọc		Tắt
				300 hr
				500 hr [Chế độ mặc định]
				800 hr
				1000 hr
Thiết lập lại bộ lọc		Có		
		Không		
Thoát				
Thông tin				
Thiết lập lại		Có		
		Không		

Lưu ý: Tính năng tùy chọn tùy thuộc vào mẫu máy chiếu và khu vực.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hình



Chế độ hiển thị

Có nhiều cài đặt sẵn được tối ưu hóa cho nhiều loại hình ảnh khác nhau.

- **Chế độ trình diễn:** Chế độ này thích hợp để thuyết trình trước công chúng khi kết nối với PC.
- **Sáng:** Độ sáng tối đa từ đầu vào PC.
- **Chế độ xem phim:** Chế độ này thích hợp để xem video.
- **sRGB:** Màu sắc chính xác chuẩn hóa.
- **Bảng đen:** Nên chọn chế độ này để có các cài đặt màu sắc tối ưu khi chiếu trên bảng đen (lục).
- **DICOM SIM.:** Chế độ này có thể chiếu hình y tế đơn sắc như chụp X-quang, MRI, v.v...
- **Người sử dụng:** Ghi nhớ các cài đặt người dùng.
- **3D:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính 3D và đảm bảo PC/thiết bị di động của bạn có card đồ họa đệm từ với đầu ra tín hiệu 120 Hz và cài đặt Trình phát 3D.

Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

- Nhấn ◀ để làm tối hình.
- Nhấn ▶ để làm sáng hình.

Độ tương phản

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

- Nhấn ◀ giảm độ tương phản.
- Nhấn ▶ để tăng độ tương phản.

Độ sắc nét

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

- Nhấn ◀ để giảm độ sắc nét.
- Nhấn ▶ để tăng độ sắc nét.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

- Nhấn ◀ để giảm mức bão hòa trong hình.
- Nhấn ▶ để tăng mức bão hòa trong hình.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

- Nhấn ◀ để tăng lượng xanh lục trong hình.
- Nhấn ▶ để tăng lượng màu xanh lục trong hình.

Thiết lập lại

Chọn "Có" để trở về cài đặt mặc định gốc cho "HÌNH ẢNH".

Menu hình nâng cao



BrilliantColor™

Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.

- Nhấn ◀ để tăng cường hình mạnh hơn.
- Nhấn ▶ để giảm tăng cường hình.

Gamma

Điều này cho phép bạn cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành cài đặt ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- Phim: cho nhà hát tại gia.
- Đồ họa: cho nguồn PC/Ảnh chụp.
- 1.8 / 2.0 / 2.2 / 2.6: dành cho PC/nguồn ảnh chụp cụ thể.
- Bảng đen: Nên chọn chế độ này để có các cài đặt màu sắc tối ưu khi chiếu trên bảng đen (lục).
- DICOM: Chế độ này có thể chiếu hình y tế đơn sắc như chụp X-quang, MRI, v.v...
- Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn chế độ.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức độ màu

Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn nhiệt độ màu từ Ấm, Chuẩn, Nhiệt độ màu và Lạnh.

Không gian màu

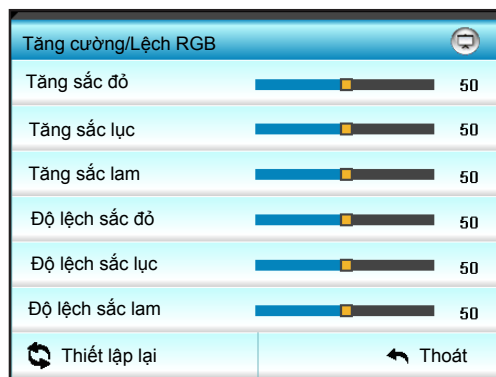
Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn kiểu ma trận màu thích hợp từ các mục sau:

- Đầu vào không phải HDMI: - Tự động, RGB hoặc YUV
- Đầu vào HDMI: - Tự động, RGB(0-255), RGB(16-235), hoặc YUV

Tăng cường/Lệch RGB

Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.

- Nhấn ◀ để giảm mức tăng cường và độ lệch màu vừa chọn.
- Nhấn ▶ để tăng mức tăng cường và độ lệch màu vừa chọn.

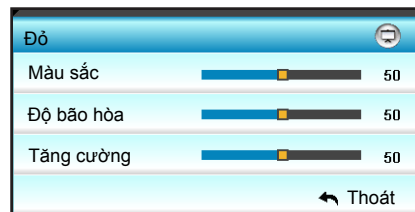


Tinh chỉnh màu

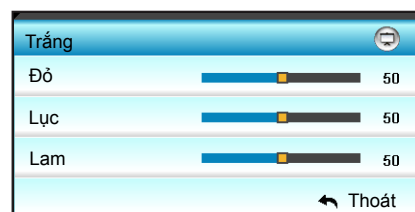
Nhấn ▶ trong menu kế tiếp rồi sử dụng ▲ hoặc ▼ hoặc ◀ hoặc ▶ để chọn mục.



- Đỏ/Lục/Lam/Xanh ngọc/Đỏ thẫm/Vàng: Sử dụng ◀ hoặc ▶ để chọn các màu Màu sắc, Độ bão hòa và Tăng cường.



- Trắng: Sử dụng ◀ hoặc ▶ để chọn các màu Đỏ, Lục và Lam.



- Thiết lập lại: Chọn "⌛ Thiết lập lại" để trở về cài đặt mặc định gốc cho các điều chỉnh màu sắc.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Menu tín hiệu cải tiến hình (RGB)



Lưu ý:

- *Tín hiệu" chỉ được hỗ trợ ở chế độ tín hiệu VGA (RGB) analog.*
- *Nếu "Tín hiệu" là tự động, mục pha và tần số sẽ chuyển sang màu xám. Nếu "Tín hiệu" không phải tự động, mục pha và tần số sẽ hiển thị để người dùng tự điều chỉnh và sau đó sẽ được lưu vào cài đặt để máy chiếu được tắt và bật lại lần sau.*

Tự động

Tự động chọn tín hiệu. Nếu bạn sử dụng chức năng này, các mục Pha và Tần số sẽ có màu xám, và nếu Tín hiệu không phải là tự động, thì các mục Pha và Tần số sẽ hiển thị để người dùng chỉnh thủ công và được lưu lại trong các cài đặt sau đó cho lần bật hoặc tắt lại máy chiếu lần sau.

Pha

Đồng bộ hóa định giờ tín hiệu của màn hình với card đồ họa. Nếu hình ảnh xuất hiện không ổn định hoặc nhấp nháy, sử dụng chức năng này để điều chỉnh.

Tần số

Thay đổi tần số dữ liệu hiển thị cho phù hợp với tần số của card đồ họa máy tính. Sử dụng chức năng này chỉ khi hình ảnh dường như nhấp nháy theo chiều dọc.

Vị trí.Ngang

- Nhấn ◀ để chuyển hình ảnh sang trái.
- Nhấn ▶ để chuyển hình ảnh sang phải.

Vị trí.Dọc

- Nhấn ◀ để chuyển hình ảnh xuống dưới.
- Nhấn ▶ để chuyển hình ảnh lên trên.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu tín hiệu cải tiến hình (video)



Mức trắng

Cho phép người dùng điều chỉnh Mức trắng khi nhập tín hiệu Video.

Mức đen

Cho phép người dùng điều chỉnh Mức đen khi nhập tín hiệu Video.

IRE

Cho phép người dùng điều chỉnh giá trị IRE khi nhập các tín hiệu video.

Lưu ý: IRE chỉ có sẵn với định dạng video NTSC.

- Nhấn ◀ để giảm lượng màu trong hình ảnh.
- Nhấn ▶ để tăng lượng màu trong hình ảnh.

Hiển thị menu



Định dạng

Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn tỷ lệ khung hình mong muốn giữa các tùy chọn sau:

- XGA: 4:3, 16:9, Tự nhiên, - Tự động
- 1080p: 4:3, 16:9, LBX, Tự nhiên, - Tự động
- WUXGA: 4:3, 16:9 hoặc 16:10, LBX, Tự nhiên, - Tự động

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Về các định dạng:

- 4:3: Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 4:3.
- 16:9: Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- 16:10: Định dạng này áp dụng cho các nguồn đầu vào 16:10, như laptop màn hình rộng.
- LBX: Định dạng này áp dụng nguồn hộp thư không phải 16x9 và cho người dùng sử dụng thấu kính 16x9 lắp ngoài để hiển thị tỉ lệ khung hình 2.35:1 ở độ phân giải đầy đủ.
- Tự nhiên: Định dạng này hiển thị hình ảnh gốc mà không chia bất kỳ tỉ lệ.
- - Tự động: Tự động chọn định dạng hiển thị thích hợp.

Lưu ý: Thông tin chi tiết về chế độ LBX:

- Một số DVD định dạng hộp thư không được nâng cao cho các TV 16x9. Trong tình huống này, hình ảnh trông sẽ không ổn khi hiển thị ở chế độ 16:9. Trong tình huống này, hãy thử sử dụng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3, sẽ có các thanh đen quanh hình ảnh ở màn hình hiển thị 16:9. Với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ LBX để lấp đầy hình ảnh trên màn hình hiển thị 16:9.
- Nếu bạn sử dụng thấu kính giãn hình lắp ngoài, chế độ LBX này cũng cho phép bạn xem nội dung 2,35:1 (bao gồm nguồn phim DVD và HDTV giãn hình). Chế độ LBX này hỗ trợ tính năng giãn hình rộng được nâng cao cho Hiển thị 16x9 ở hình ảnh rộng 2,35:1. Trong trường hợp này, không có thanh đen nào. Cường độ của bóng đèn và độ phân giải dọc được sử dụng hoàn toàn.

Bảng chia tỉ lệ WUXGA (loại màn chiếu 16x10):

- Hỗ trợ loại màn hình 16:10 (1920 x 1200), 16:9 (1920 x 1080).
- Khi loại màn hình là 16:9, không có định dạng 16 x 10 trong điều kiện này.
- Khi loại màn hình là 16:10, không có định dạng 16 x 9 trong điều kiện này.
- Nếu người dùng thay đổi sang tự động thì máy chiếu cũng sẽ tự động thay đổi chế độ hiển thị cùng lúc.

16 : Màn hình 10	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỉ lệ sang 1600x1200.				
16x9	Chia tỷ lệ sang 1920x1080.				
16x10	Chia tỉ lệ sang 1920x1200.				
LBX	Chia tỉ lệ sang 1920x1440 rồi hiển thị hình 1920x1200 ở giữa.				
Chế độ tự nhiên	Đặt trọng tâm hình chiếu 1:1. Sẽ không thực hiện điều chỉnh tỷ lệ; độ phân giải hình chiếu tùy thuộc vào nguồn vào.				
- Tự động	Nếu chọn định dạng này, loại màn hình sẽ tự động trở thành 16:10 (1920x1200). - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 4:3, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1600x1200. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:9, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1920x1080. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:10, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1920x1200.				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Quy tắc tự ánh xạ WUXGA (loại màn chiếu 16x10):

- Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1920	1200
4:3	640	480	1600	1200
	800	600	1600	1200
	1024	768	1600	1200
	1280	1024	1600	1200
	1400	1050	1600	1200
	1600	1200	1600	1200
Laptop màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1920	1152
	1280	800	1920	1200
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

Bảng chia tỉ lệ WUXGA (loại màn hình 16x9):

16 : Màn hình 9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 1440x1080.				
16x9	Chia tỷ lệ sang 1920x1080.				
LBX	Chia tỉ lệ sang 1920x1440 rồi hiển thị hình 1920x1080 ở giữa.				
Chế độ tự nhiên	Đặt trọng tâm hình chiếu 1:1. Sẽ không thực hiện điều chỉnh tỷ lệ; độ phân giải hình chiếu tùy thuộc vào nguồn vào.				
- Tự động	Nếu chọn định dạng này, loại màn hình sẽ tự động trở thành 16:9 (1920x1080). - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 4:3, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1440x1080. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:9, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1920x1080. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:10, kiểu màn hình sẽ tự động đổi sang 1920x1200 và cắt vùng 1920x1080 để hiển thị.				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Quy tắc tự ánh xạ WUXGA (loại màn chiếu 16x9):

- Tỷ lệ	Độ phân giải đầu vào		Tỷ lệ/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1920	1080
4:3	640	480	1440	1080
	800	600	1440	1080
	1024	768	1440	1080
	1280	1024	1440	1080
	1400	1050	1440	1080
	1600	1200	1440	1080
Laptop màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1800	1080
	1280	800	1728	1080
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

Bảng chia tỉ lệ 1080P (loại màn hình 16:9):

16 : Màn hình 9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p	Máy tính
4x3	Chia tỷ lệ sang 1440x1080.				
16x9	Chia tỷ lệ sang 1920x1080.				
LBX	Chia tỉ lệ sang 1920x1440 rồi hiển thị hình 1920x1080 ở giữa.				
Chế độ tự nhiên	Đặt trọng tâm hình chiếu 1:1. Sẽ không thực hiện điều chỉnh tỷ lệ; độ phân giải hình chiếu tùy thuộc vào nguồn vào.				
- Tỷ lệ	Nếu chọn định dạng này, loại màn hình sẽ tự động trở thành 16:9 (1920x1080). - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 4:3, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1440x1080. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:9, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1920x1080. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:10, kiểu màn hình sẽ tự động đổi sang 1920x1200 và cắt vùng 1920x1080 để hiển thị.				

Quy tắc tự ánh xạ 1080P (loại màn chiếu 16x9):

- Tỷ lệ	Độ phân giải đầu vào		Tỷ lệ/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1920	1080
4:3	640	480	1440	1080
	800	600	1440	1080
	1024	768	1440	1080
	1280	1024	1440	1080
	1400	1050	1440	1080
	1600	1200	1440	1080
Laptop màn hình rộng	1280	720	1920	1080
	1280	768	1800	1080
	1280	800	1728	1080
SDTV	720	576	1350	1080
	720	480	1620	1080
HDTV	1280	720	1920	1080
	1920	1080	1920	1080

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bảng chia tỉ lệ XGA (loại màn hình 16x9)

16 : Màn hình 9	480i/p	576i/p	1080i/p	720p
4x3	Chỉnh tỷ lệ sang 1024x768.			
16x9	Chỉnh tỷ lệ sang 1024x576.			
Chế độ tự nhiên	Sẽ không thực hiện điều chỉnh tỷ lệ; độ phân giải hình chiếu tùy thuộc vào nguồn vào.			
- Tự động	- Nếu nguồn vào có tỷ lệ 4:3, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1024x768. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:9, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1024x576. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 15:9, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1024x614. - Nếu nguồn vào có tỷ lệ 16:10, kiểu màn hình sẽ tự động đổi kích thước sang 1024x640.			

Quy tắc tự ánh xạ XGA (loại màn chiếu 16x9):

- Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	1280	768
4:3	640	480	1024	768
	800	600	1024	768
	1024	768	1024	768
	1600	1200	1024	768
Laptop màn hình rộng	1280	720	1024	576
	1280	768	1024	614
	1280	800	1024	640
SDTV	720	576	1024	576
	720	480	1024	576
HDTV	1280	720	1024	576
	1920	1080	1024	576

Zoom

- Nhấn ◀ để thu nhỏ cỡ hình.
- Nhấn ▶ để phóng to hình trên màn chiếu.

Mắt nạ biên

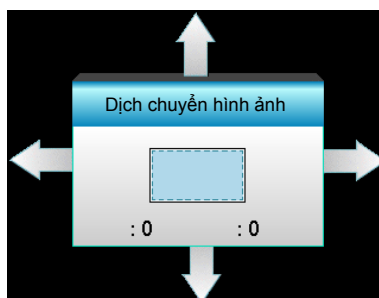
Mắt nạ biên hình ảnh để loại bỏ tạp nhiễu mã hóa video ở viền của nguồn video.

Lưu ý:

- Mỗi đầu vào/đầu ra đều có cài đặt "Mắt nạ biên" khác nhau.
- "Mắt nạ biên" và "Zoom" không thể hoạt động đồng thời.

Dịch chuyển hình ảnh

Nhấn ▶ trong menu kế tiếp như bên dưới rồi sử dụng ▲ hoặc ▼ hoặc ◀ hoặc ▶ để chọn mục.

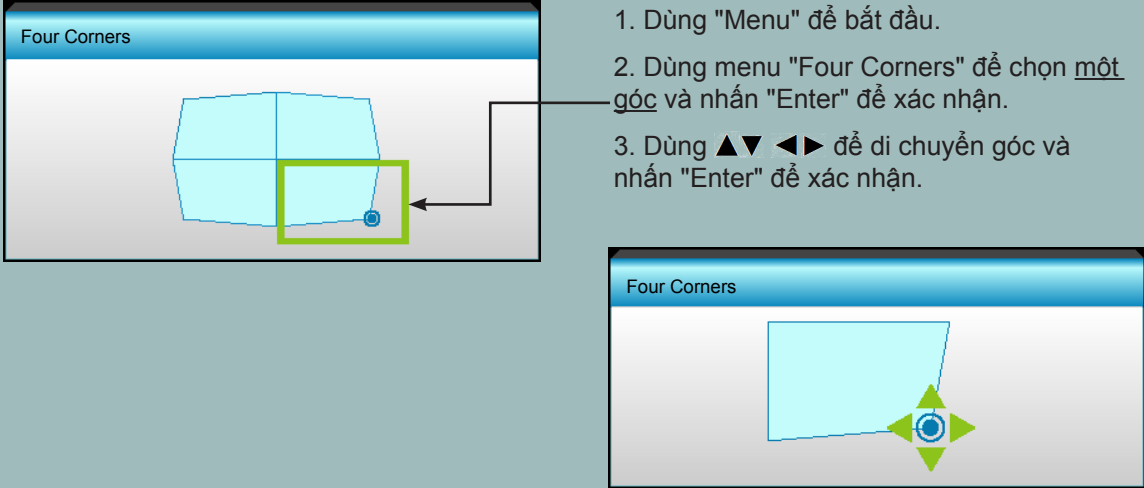


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- Vị trí ảnh phương ngang: Nhấn ◀▶ để chuyển đổi vị trí hình chiếu theo chiều ngang.
- Vị trí ảnh phương dọc: Nhấn ▲▼ để chuyển đổi vị trí hình chiếu theo chiều dọc.

Geometric Correction

- H Keystone (Chỉnh vuông hình ngang): Nhấn ◀▶ để hiệu chỉnh độ méo vuông hình ngang.
- Chỉnh hình chiều dọc (Chỉnh vuông hình dọc): Nhấn ▲▼ để hiệu chỉnh độ méo vuông hình dọc.
- Tự chỉnh vuông hình dọc: Tự động hiệu chỉnh lỗi vuông hình dọc.
- Four Corners: Bù cho độ méo hình bằng cách chỉnh từng góc riêng.



1. Dùng "Menu" để bắt đầu.

2. Dùng menu "Four Corners" để chọn một góc và nhấn "Enter" để xác nhận.

3. Dùng ▲▼ ◀▶ để di chuyển góc và nhấn "Enter" để xác nhận.

Thiết lập lại

Chọn "Cơ" để trở về cài đặt mặc định góc cho "HÌNH ẢNH".

Hiện thị menu 3D



Chế độ 3D

- Kết nối DLP: Chọn "Kết nối DLP" để sử dụng các cài đặt tối ưu cho các kính 3D DLP Link.
- VESA 3D: Chọn "VESA 3D" để sử dụng các cài đặt tối ưu cho các kính 3D VESA.
- Tắt: Chọn "Tắt" để tắt chế độ 3D.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

3D->2D

- 3D: Hiển thị tín hiệu 3D.
- L (Trái): Hiển thị khung trái của nội dung 3D.
- R (Phải): Hiển thị khung phải của nội dung 3D.

Định dạng 3D

- - Tự động: Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- Bên cạnh: Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Bên cạnh".
- Trên và dưới: Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Trên và dưới".
- Khung tuần tự: Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Khung tuần tự".

Lưu ý:

- "Định dạng 3D" chỉ được hỗ trợ cho Định giờ 3D ở trang 68.
- "Định dạng 3D" chỉ được hỗ trợ về cách định giờ 3D 1.4a không phải HDMI.

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

- Nhấn "Bật" để đảo ngược các nội dung khung trái và phải.
- Nhấn "Tắt" cho các nội dung khung mặc định.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Menu thiết lập







SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Ngôn ngữ

Chọn menu OSD đa ngôn ngữ. Nhấn ► trong menu phụ rồi sử dụng phím ▲ hoặc ▼ hoặc ◀ hoặc ▶ để chọn ngôn ngữ ưu tiên của bạn. Nhấn "Enter" để hoàn tất lựa chọn.

Ngôn ngữ			
English	Nederlands	Čeština	Türkçe
Deutsch	Norsk/Dansk	عربي	فارسی
Français	Polski	繁體中文	Vietnamese
Italiano	Русский	简体中文	Romanian
Español	Suomi	日本語	Indonesian
Português	ελληνικά	한국어	Slovakian
Svenska	Magyar	ไทย	← Thoát

Trình chiếu

-  Mặt trước
Đây là lựa chọn mặc định. Hình ảnh được chiếu thẳng lên màn chiếu.
-  Mặt sau
Khi được chọn, hình ảnh sẽ xuất hiện đảo ngược.
-  Front-Ceiling
Khi được chọn, hình ảnh sẽ xuất hiện lộn ngược.
-  Rear-Ceiling
Khi được chọn, hình ảnh sẽ xuất hiện đảo ngược ở vị trí lộn ngược.

Lưu ý: Rear-Desktop và Rear-Ceiling được sử dụng với màn hình trong mờ.

Loại màn chiếu

Chọn loại màn hình từ 16:10 hoặc 16:9 (WXGA/WUXGA).

Lưu ý: "Loại màn chiếu" chỉ áp dụng cho mẫu WXGA/WUXGA.

Vị trí thực đơn

Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.

Mã nhận dạng (ID)

Có thể đặt ID bằng thực đơn (phạm vi từ 0-99), và cho phép người dùng kiểm soát máy chiếu riêng lẻ theo RS232.

HDBaseT Control

Máy chiếu có thể tự động phát hiện tín hiệu Ethernet hoặc RS232 từ bộ truyền phát HDBaseT kèm theo. Để phát hiện tự động, đảm bảo tín hiệu tương ứng đã được bật.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thiết lập Bảo mật

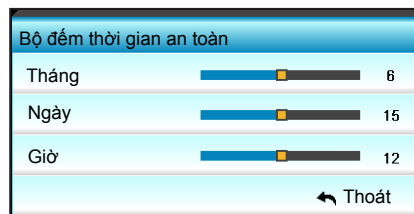


Bảo mật

- **Bật:** Chọn "Bật" để sử dụng xác nhận bảo mật khi bật máy chiếu.
- **Tắt:** Chọn "Tắt" để có thể bật máy chiếu mà không cần xác nhận mật khẩu.

Bộ đếm thời gian an toàn

Có thể chọn chức năng (Tháng/Ngày/Giờ) để cài đặt số giờ mà máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.



Đổi mật khẩu

- **Lần đầu:**
 1. Nhấn phím "Enter" để cài mật khẩu.
 2. Mật khẩu phải có 4 chữ số.
 3. Sử dụng nút số trên điều khiển từ xa hoặc trên bàn phím số trên màn hình để nhập mật khẩu mới rồi nhấn phím "Enter" để xác nhận mật khẩu của bạn.
- **Đổi mật khẩu:**

(Nếu bộ điều khiển từ xa của bạn không có bàn phím số, vui lòng sử dụng mũi tên lên/xuống để thay đổi mỗi chữ số của mật khẩu, rồi nhấn enter để xác nhận)

 1. Nhấn "Enter" để nhập mật khẩu cũ.
 2. Sử dụng nút số hoặc bàn phím số trên màn hình để nhập mật khẩu hiện tại rồi nhấn "Enter" để xác nhận.
 3. Nhập mật khẩu mới (dài 4 chữ số) bằng các nút số trên điều khiển từ xa, rồi nhấn "Enter" để xác nhận.
 4. Nhập lại mật khẩu mới và nhấn "Enter" để xác nhận.

Nếu mật khẩu bị nhập sai 3 lần, máy chiếu sẽ tự động tắt.

Nếu bạn quên mật khẩu, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương để được hỗ trợ.

Lưu ý: Giá trị mật khẩu mặc định là "1234" (lần đầu).



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Menu Thiết lập Cài đặt Âm thanh



Tích hợp loa

Chọn "Bật" hoặc "Tắt" để bật hoặc tắt loa tích hợp.

Tắt tiếng

- Chọn "Bật" để bật tắt âm.
- Chọn "Tắt" để tắt tắt âm.

Lưu ý: Chức năng "Tắt tiếng" ảnh hưởng đến âm lượng của cả loa trong và loa ngoài.

Volume

- Nhấn ◀ để giảm âm lượng micro hoặc âm thanh.
- Nhấn ▶ để tăng âm lượng micro hoặc âm thanh.

Đầu vào âm thanh

Các cài đặt âm thanh mặc định nằm ở mặt sau máy chiếu. Sử dụng tùy chọn này để tái chỉ định bất kỳ Đầu vào âm thanh nào (1, 2 hoặc 3) cho nguồn hình ảnh hiện tại. Có thể gán mỗi Đầu vào âm thanh cho hơn một nguồn video.

- Chế độ mặc định: VGA 1 -> Âm thanh 1; VGA 2 -> Âm thanh 2
- Âm thanh 1/2: Kết nối giắc cắm mini.
- Âm thanh 3: Trái/Phải.

Audio Out(Standby)

Chọn "Bật" hoặc "Tắt" để bật hoặc tắt đầu ra âm thanh.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thiết lập nâng cao



Biểu tượng

Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thay đổi được thực hiện, nó sẽ có hiệu quả vào lần bật máy chiếu sau.

- Chế độ mặc định: Màn hình khởi động mặc định.
- Tự nhiên: Biểu tượng sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.
- Người sử dụng: Sử dụng hình đã lưu trữ từ chức năng "Chế độ chụp hình nền"

Chế độ chụp hình nền

Dùng để chụp hình đang hiển thị trên màn hình.

Lưu ý:

- *Để chụp biểu tượng thành công, hãy đảm bảo rằng hình ảnh trên màn hình không vượt quá độ phân giải gốc của máy chiếu.
Nếu chế độ chụp hình nền vẫn không thành công, hãy dùng thử hình ảnh ít chi tiết hơn.*
- *Tính năng này chỉ dành riêng cho chế độ chụp hình nền và không dùng để chụp hình có tỷ lệ lớn.*

Đóng chụp hình nền

Đóng chụp hình nền là phiên bản văn bản của âm thanh chương trình hoặc thông tin khác hiển thị trên màn hình. Nếu tín hiệu đầu vào chứa các tiêu đề đóng, bạn có thể bật tính năng này và xem các kênh. Nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn TẮT, CCI hoặc CC2.

Không dây

Chọn "Bật" hoặc "Tắt" để bật hoặc tắt chức năng không dây.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thiết lập cài đặt mạng LAN.



Tình trạng mạng

Hiển thị tình trạng kết nối mạng (chỉ đọc).

Địa chỉ MAC

Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).

DHCP

- **Bật:** Máy chiếu sẽ nhận Địa chỉ IP tự động từ mạng của bạn.
- **Tắt:** Để tự gán đại chỉ IP, Subnet mask, Gateway và DNS cấu hình.

Lưu ý: Thoát menu OSD sẽ tự động áp dụng các giá trị đã nhập.

Địa chỉ IP

Hiển thị địa chỉ IP.

Subnet mask

Hiển thị số subnet mask (mặt nạ mạng phụ).

Gateway

Hiển thị gateway (cổng nối) mặc định của mạng đã kết nối với máy chiếu.

DNS

Hiển thị số DNS.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Thiết lập lại

Chọn "Có" để trở về cài đặt mặc định gốc cho "Mạng".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn

1. Chuyển "Bật": tùy chọn DHCP trên máy chiếu để cho phép máy chủ DHCP tự động gán địa chỉ IP.
2. Mở trình duyệt web trên PC và nhập địa chỉ IP của máy chiếu ("Mạng: Thiết lập LAN > Địa chỉ IP").
3. Nhập tên người dùng và mật khẩu, và nhấp "Đăng nhập".
Giao diện web cấu hình máy chiếu sẽ mở ra.

Lưu ý:

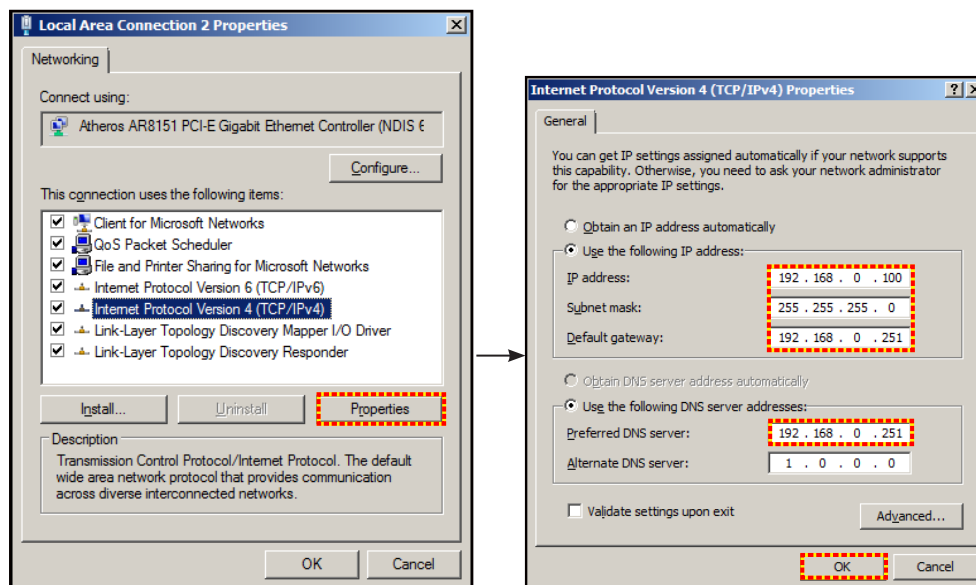
- Tên người dùng và mật khẩu mặc định là "admin".
- Các bước trong phần này dựa trên hệ điều hành Windows 7.

Thực hiện kết nối trực tiếp từ máy tính của bạn với máy chiếu*

1. "Tắt" tùy chọn DHCP trên máy chiếu.
2. Định cấu hình Địa chỉ IP, Subnet mask, Gateway và DNS trên máy chiếu ("Mạng: Thiết lập LAN").

Địa chỉ IP	192.168.0.100	▶
Subnet mask	255.255.255.0	▶
Gateway	192.168.0.254	▶
DNS	192.168.0.51	▶

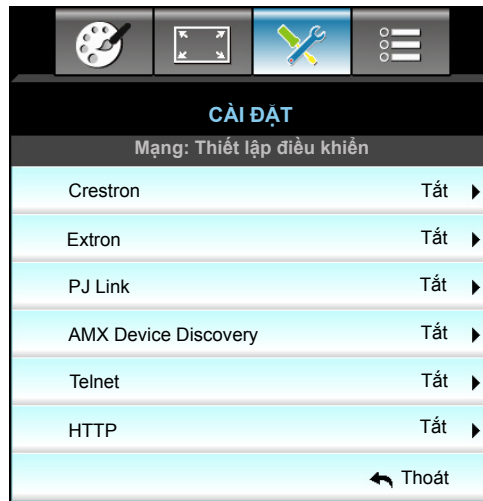
3. Mở trang Trung tâm mạng và chia sẻ trên PC của bạn, và gán các thông số mạng giống nhau vào PC như được thiết lập trên máy chiếu. Nhấp "OK" để lưu lại các thông số.



4. Mở trình duyệt web trên PC của bạn và nhập vào mục URL địa chỉ IP đã được gán ở bước 3. Sau đó nhấn phím "Enter".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.



Crestron

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 41794).

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.crestron.com> và www.crestron.com/getroomview.

Extron

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 2023).

PJ Link

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 4352).

AMX Device Discovery

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 9131).

Telnet

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 23).

HTTP

Sử dụng chức năng này để chọn chức năng mạng (cổng: 80).

Thoát

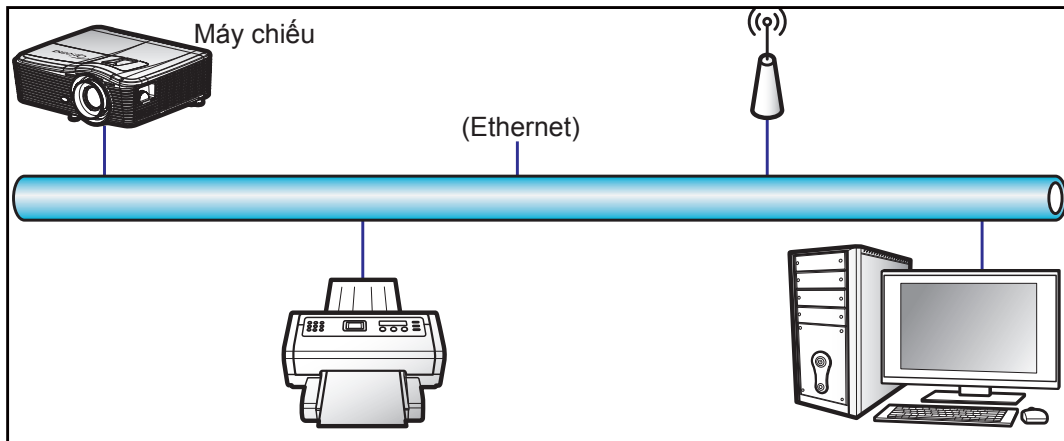
Chọn "Thoát" để thoát menu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thiết lập cài đặt kiểm soát mạng.

Chức năng LAN RJ45

Để người dùng vận hành máy đơn giản và tiện lợi, máy chiếu W320UST cung cấp nhiều tính năng kết nối mạng và quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 của máy chiếu qua mạng như quản lý từ xa: Các cài đặt Bật/Tắt nguồn, Độ sáng và Độ tương phản. Ngoài ra, còn có thông tin tình trạng máy chiếu như: Nguồn video, Tắt âm, v.v...



Chức năng đầu cuối mạng LAN có dây

Có thể điều khiển máy chiếu này bằng PC (Laptop) hoặc thiết bị ngoại vi khác qua cổng LAN/RJ45 và tương thích với Crestron / Extron / AMX (Device Discovery) / PJLink.

- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.

Máy chiếu được hỗ trợ bởi các lệnh quy định từ bộ điều khiển và phần mềm liên quan của Crestron Electronics, ví dụ như RoomView®.

<http://www.crestron.com/>

Máy chiếu này tương thích để hỗ trợ (các) thiết bị tham chiếu Extron.

<http://www.extron.com/>

Máy chiếu này được hỗ trợ bởi AMX (Device Discovery).

<http://www.amx.com/>

Máy chiếu này hỗ trợ tất cả các lệnh của PJLink Loại 1 (Phiên bản 1.00).

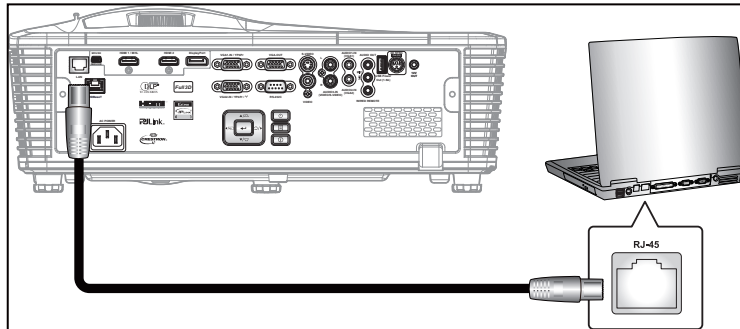
<http://pjlink.jbmia.or.jp/english/>

Để có thêm thông tin chi tiết về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

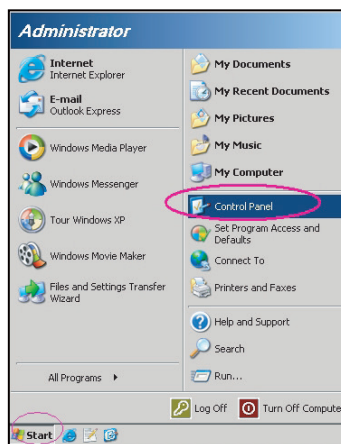
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

LAN RJ45

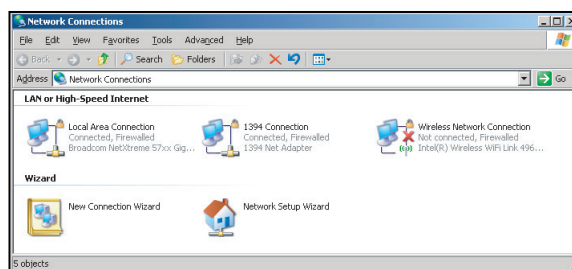
1. Cắm cáp RJ45 vào các cổng RJ45 trên máy chiếu và PC (laptop).



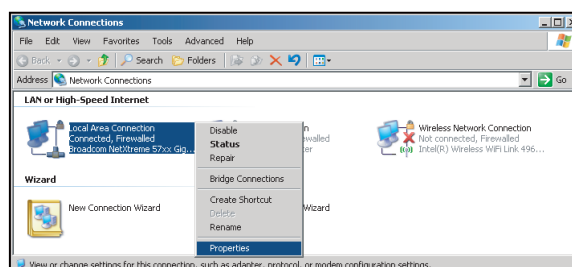
2. Trên PC (Laptop), chọn Start (Bắt đầu) > Control Panel (Panel điều khiển) > Network Connections (Kết nối Mạng).



3. Nhấp phải vào Local Area Connection (Kết nối Mạng Cục bộ) và chọn Properties (Thuộc tính).

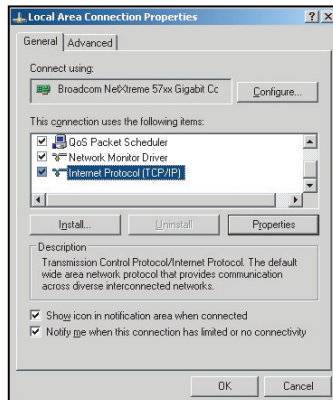


4. Trong cửa sổ Properties (Thuộc tính), chọn thẻ General (Chung) và chọn Internet Protocol (TCP/IP) (Giao thức Internet (TCP/IP)).

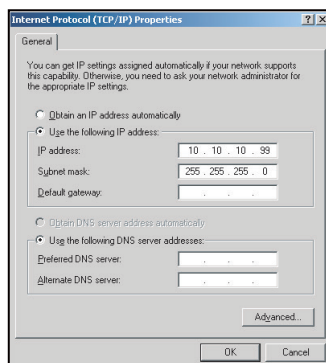


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

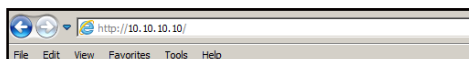
5. Nhấp "Properties".



6. Điền các mục IP address và Subnet mask rồi nhấn "OK".



7. Nhấp nút "Menu" trên máy chiếu.
8. Dùng các phím ◀▶ để chọn CÀI ĐẶT > Mạng > Thiết lập LAN.
9. Sau khi vào Cài đặt LAN, nhập các thông số kết nối sau:
 - DHCP: Tắt
 - Địa chỉ IP: 10.10.10.10
 - Subnet mask: 255.255.255.255
 - Gateway: 0.0.0.0
 - DNS: 0.0.0.0
10. Nhấn "Enter" để xác nhận các cài đặt.
11. Mở trình duyệt web, chẳng hạn như Microsoft Internet Explorer với phần mềm Adobe Flash Player 9.0 hoặc cao hơn đã cài đặt.
12. Trong thanh Address, nhập địa chỉ IP của máy chiếu: 10.10.10.10.



13. Nhấn "Enter".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Máy chiếu được cài đặt để quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 sẽ hiển thị như sau:

Trang thông tin

Model: Optoma Logout Tools Info Help

Optoma

Projector Information

Projector Name: EX610STi
Location: Room
Firmware: B02 2011-09-21
Mac Address: 00:50:41:77:31:24
Resolution: 0 x 0 0Hz
Lamp Hours: 10
Assigned To: Sir

Projector Status

Power Status: On
Source: HDMI
Preset Mode: Presentation
Projector Position: Front Table
Lamp Mode: STD
Error Status:

exit

Trang chính

Model: Optoma Tools Info Help

Optoma

Power Vol - Mute Vol +

SourceList

VGA1
VGA2
Video
HDMI
Flash Drive

Menu ▲ Auto
◀ OK ▶
AV Mute ▼ Source

Freeze Contrast Brightness Color

Trang công cụ

Model: Optoma Logout Tools Info Help

Optoma

Crestron Control

IP Address: 192.168.0.2
IP ID: 5
Port: 41794
Send

Projector

Projector Name: EX610STi
Location: Room
Name: Sir
Send

DHCP DHCP Enabled
IP Address: 192.168.0.100
Subnet Mask: 255.255.255.0
Default Gateway: 192.168.0.254
DNS Server: 192.168.0.51
Host Name:
Send

User Password

Enabled
New Password:
Confirm:
Send

Admin Password

Enabled
New Password:
Confirm:
Send

Default Language: Automatic Send

exit

Liên hệ bộ phận hỗ trợ CNTT

HELP DESK X

Send

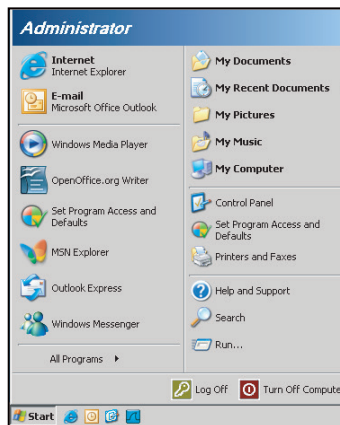
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chức năng RS232 by Telnet

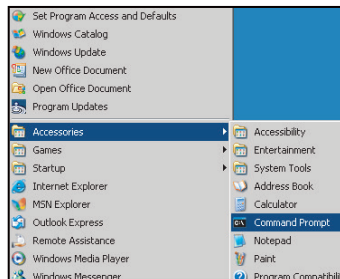
Có cách điều khiển lệnh RS232 thay thế trong máy chiếu được gọi là "RS232 by TELNET" dùng cho giao diện LAN/RJ45.

Hướng dẫn khởi động nhanh cho "RS232 by Telnet"

- Kiểm tra và xem địa chỉ IP trên menu OSD của máy chiếu.
- Đảm bảo PC/laptop có thể truy cập trang web của máy chiếu.
- Đảm bảo cài đặt "Windows Firewall" được cài sang Disabled (Đã tắt) trong trường hợp lọc chức năng "TELNET" qua PC/laptop.



1. Start (Bắt đầu) > All Programs (Tất cả các chương trình) > Accessories (Các tiện ích) > Command Prompt (Dấu nhắc Lệnh).



2. Nhập định dạng lệnh như sau:
 - telnet ttt.xxx.yyy.zzz 23 (Nhấn phím "Enter")
 - (ttt.xxx.yyy.zzz: Địa chỉ IP của máy chiếu)
3. Nếu Kết Nối Telnet có sẵn, và người dùng có thể nhập lệnh RS232 rồi nhấn phím "Enter", lệnh RS232 sẽ có thể hoạt động.

Thông số kỹ thuật cho "RS232 by TELNET":

1. Telnet: TCP.
2. Cổng Telnet: 23 (để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với nhân viên hoặc nhóm dịch vụ).
3. Tiện ích Telnet: Windows "TELNET.exe" (chế độ bảng điều khiển).
4. Ngắt kết nối để điều khiển RS232-by-Telnet thường: Đóng
5. Kết nối trực tiếp tiện ích Windows Telnet sau khi kết nối TELNET đã sẵn sàng.
 - Giới hạn 1 cho Telnet-Control: có ít hơn 50 byte cho lưu lượng mạng liên tiếp đối với ứng dụng Telnet-Control.
 - Giới hạn 2 cho Telnet-Control: có ít hơn 26 byte cho một lệnh RS232 hoàn chỉnh đối với Telnet-Control.
 - Giới hạn 3 cho Telnet-Control: Độ trễ tối thiểu cho lệnh RS232 tiếp theo phải nhiều hơn 200 mili giây (ms).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Tùy chọn



Nguồn tín hiệu vào

Sử dụng tùy chọn này để bật / tắt các nguồn đầu vào. Nhấn ► để vào menu phụ và chọn nguồn bạn yêu cầu. Nhấn "Enter" để hoàn tất lựa chọn. Máy chiếu sẽ chỉ tìm kiếm các đầu vào không được bật kích hoạt.

Khóa nguồn

- Bật: Máy chiếu sẽ chỉ dò tìm kết nối đầu vào hiện hành.
- Tắt: Máy chiếu sẽ dò tìm các tín hiệu khác nếu tín hiệu vào hiện hành bị mất.

Điều chỉnh tốc độ quạt

Khi chọn "Bật", các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Ẩn thông tin

- Bật: Chọn "Bật" để ẩn thông báo thông tin.
- Tắt: Chọn "Tắt" để hiển thị thông báo "đang tìm kiếm".

Khóa bàn phím

Khi chức năng khóa bàn phím là "Bật", Bàn phím sẽ bị khóa và bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn "Tắt", bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Khoá chế độ hiển thị

- Bật: Khóa chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.
- Tắt: Mở khóa chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.

Test pattern

Hiển thị mẫu thử. Có Lưới, Trắng, Đen và Không.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu tùy chọn (tiếp theo)

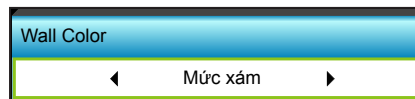


Màu nền

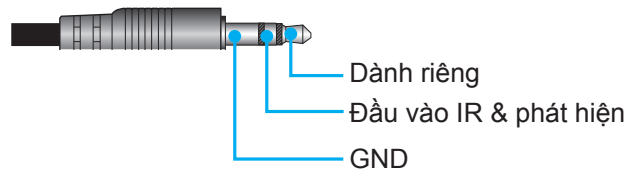
Sử dụng tính năng này để hiển thị màn hình "Đen", "Đỏ", "Lam", "Lục" hoặc "Trắng" khi không có sẵn tín hiệu.

Wall Color

Dùng chức năng này để có được hình hiển thị tối ưu theo màu tường. Các tùy chọn sau: "Light Yellow", "Light Green", "Light Blue", "Pink" và "Mức xám". Chọn "Tắt" để tắt chức năng này.



12V Trigger



- Tắt: Chọn "Tắt" để tắt trigger.
- Bật: Chọn "Bật" để cho phép khởi động.

Beep

- Tắt: Không nghe thấy âm bíp khi nhấn phím hoặc có báo lỗi.
- Bật: Nghe thấy âm bíp khi nhấn phím hoặc có báo lỗi.

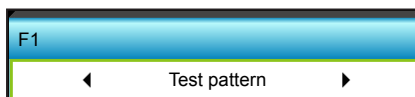
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tùy chọn menu cài đặt từ xa



F1

Giá trị mặc định là "Test pattern".

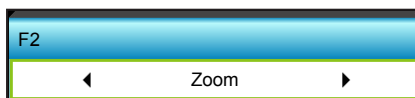


- Nhấn ▶ trong menu kế tiếp rồi sử dụng ◀ hoặc ▶ để chọn "HDMI2", "DP", "VGA2", "S-Video", "Test pattern", "Zoom", "Info" hoặc mục "Định dạng".

Lưu ý: Đối với các mẫu có đầu cắm HDBaseT, giá trị mặc định của "F1" là "HDBaseT".

F2

Giá trị mặc định là "Zoom".



- Nhấn ▶ trong menu kế tiếp rồi sử dụng ◀ hoặc ▶ để chọn "HDMI2", "DP", "VGA2", "S-Video", "Test pattern", "Zoom", "Info" hoặc mục "Định dạng".

Lưu ý: Đối với các mẫu có đầu cắm HDBaseT, giá trị mặc định của "F2" là "HDBaseT".

F3

Giá trị mặc định là "Info".



- Nhấn ▶ trong menu kế tiếp rồi sử dụng ◀ hoặc ▶ để chọn "HDMI2", "DP", "VGA2", "S-Video", "Test pattern", "Zoom", "Info" hoặc mục "Định dạng".

Lưu ý: Đối với các mẫu có đầu cắm HDBaseT, giá trị mặc định của "F1" là "HDBaseT".

Chức năng IR

- **Bật:** Khi chọn "Bật", bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở phía trước hoặc phía trên.
- **Mặt trước:** Khi chọn "Mặt trước", bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở phía trước.
- **Đỉnh:** Khi chọn "Đỉnh", bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở phía trên.
- **Tắt:** Khi chọn "Tắt", bạn không thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở phía trước hoặc phía trên. Khi chọn "Tắt", bạn sẽ có thể sử dụng bàn phím.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý:

- Không thể chọn "Mặt trước" và "Đỉnh" ở chế độ chờ.
- Có thể chuyển chế độ IR (hồng ngoại) sang "NVIDIA 3D Vision" một khi được thực hiện và xác nhận bởi NVIDIA.

Mã điều khiển

- Nhấn ► để cài mã tùy chỉnh điều khiển từ xa và nhấn "Enter" để thay đổi cài đặt.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Tùy chọn menu nâng cao



Bật nguồn trực tiếp

Chọn "Bật" để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi cấp sẵn nguồn điện AC, mà không cần nhấn phím "⏻" trên Bảng điều khiển máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Bật nguồn điện

Chọn "Bật" để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi phát hiện tín hiệu, mà không cần nhấn phím "⏻" trên Bảng điều khiển máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Tắt nguồn (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

- Nhấn ◀ để giảm thời lượng hẹn giờ.
- Nhấn ► để tăng thời lượng hẹn giờ.

Lưu ý:

- Giá trị của bộ hẹn giờ tắt máy sẽ được cài đặt lại thành không sau khi tắt máy chiếu.
- Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược.

Hẹn giờ tắt máy (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

- Nhấn ◀ để giảm thời lượng hẹn giờ.
- Nhấn ► để tăng thời lượng hẹn giờ.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý:

- Đánh chọn tùy chọn "Always On (Luôn bật)" để tắt chế độ tự động tắt nguồn.

Chế độ chờ

- Tích cực: Chọn "Tích cực" để trở về chế độ chờ bình thường.
- Eco.: Chọn "Eco." để tiết kiệm thêm mức phân tán điện < 0,5W.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Lưu ý: Các tùy chọn "Bật nguồn điện" và "Chế độ chờ" là các tính năng không bắt buộc tùy vào mẫu máy chiếu và khu vực.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tùy chọn menu cài đặt đèn



Số giờ đèn hoạt động

Hiển thị thời gian chiếu.

Bộ nhắc đèn

Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi thông báo thay đèn được hiển thị. Thông báo này sẽ xuất hiện 30 tiếng trước thời gian thay đèn đề xuất.

Chế độ đèn

- Sáng: Chọn "Sáng" để tăng cường độ sáng.
- Eco...: Chọn "Eco." để giảm độ sáng đèn máy chiếu vốn sẽ giảm thiểu mức tiêu thụ điện và kéo dài tuổi thọ đèn.
- Nguồn: Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn tự thiết lập cài đặt nguồn máy chiếu.

Lưu ý:

- *Khi nhiệt độ môi trường xung quanh trên 40°C khi đang vận hành, máy chiếu sẽ tự động chuyển qua chế độ Eco.*
- *Chế độ đèn" có thể được cài đặt độc lập cho 2D và 3D.*

Nguồn

Tự cài đặt nguồn máy chiếu. Các tùy chọn có sẵn gồm 100%, 95%, 90%, 85% và 80%.

Thiết lập lại đèn

Thiết lập lại bộ đếm giờ đèn sau khi thay bóng đèn.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Menu Tùy chọn



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thông tin

Hiển thị thông tin máy chiếu.

Thông tin	
Số serial	xxxxxxxxxxx
P.bản firmware	Chính C01
	MCU C01
	LAN C01
Nguồn vào hiện tại	VGA 1
Độ phân giải	1280x800
Tỉ lệ làm mới	60.00 Hz
Số giờ đèn hoạt động	
Sáng	0 H
Eco.	0 H
Nguồn	0 H
Số giờ tắt lọc	0 H
Mã nhận dạng (ID)	0
Mã điều khiển	0
Mã điều khiển (hoạt động)	0
Địa chỉ IP	192.168.1.1
Tình trạng mạng	Kết nối

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

Thiết lập lại

Chọn "Có" để trở về cài đặt mặc định gốc cho "BỘ LỌC TÙY CHỌN".

Tùy chọn menu cài đặt bộ lọc tùy chọn

Tùy chọn	
Lựa chọn cài đặt bộ lọc	
Thời gian sử dụng bộ lọc	500
Bộ lọc tùy chọn được thiết lập	Có ▶
Nhắc nhở bộ lọc	1000 giờ ▶
Thiết lập lại bộ lọc	▶
← Thoát	

Bộ lọc tùy chọn được thiết lập

- Có: Hiển thị thông tin cảnh báo sau 500 giờ sử dụng.
- Không: Tắt thông tin cảnh báo.

Lưu ý: "Thời gian sử dụng bộ lọc/Nhắc nhở bộ lọc/Thiết lập lại bộ lọc" sẽ chỉ hiển thị khi "Bộ lọc tùy chọn được thiết lập" là "Có".

Thời gian sử dụng bộ lọc

Hiển thị giờ bộ lọc.

Nhắc nhở bộ lọc

Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi thông báo thay tấm lọc được hiển thị. (Cài đặt mặc định gốc: 500 giờ).

Thiết lập lại bộ lọc

Cài lại bộ đếm giờ bộ lọc bụi sau khi thay thế hoặc vệ sinh tấm lọc bụi.

Thoát

Chọn "Thoát" để thoát menu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thiết lập 3D

1. Bật máy chiếu.
2. Kết nối nguồn 3D của bạn. Ví dụ: 3D Blu ray, Bảng điều khiển game, PC, Đầu đổi tín hiệu cáp TV, v.v...
3. Đảm bảo bạn đã chèn nội dung 3D hoặc chọn kênh 3D.
4. ĐỂ BẬT kính 3D. Hãy tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng kính 3D để biết cách dùng kính 3D.
5. Máy chiếu của bạn tự động hiển thị 3D từ đầu phát Blu-ray 3D. Đối với 3D qua đầu đổi tín hiệu cáp TV hoặc PC, bạn cần phải điều chỉnh cài đặt trong menu 3D.

Đối với 3D qua đầu phát Blu ray

3D sẽ hiển thị tự động. Tùy vào kính 3D hiện hành, bạn cần phải chọn DLP Link hoặc VESA trong menu. Kính VESA đi kèm với một bộ phát phải được kết nối với cổng Đồng bộ 3D trên máy chiếu. Hãy tham khảo trang 41.

- Menu > "HIỂN THỊ" > "3D" > "Chế độ 3D" > "Kết nối DLP"
- Menu > "HIỂN THỊ" > "3D" > "Chế độ 3D" > "VESA 3D"

Đối với 3D qua PC hoặc Đầu đổi tín hiệu cáp TV

3D sẽ không hiển thị tự động. Tùy vào nội dung 3D, hình sẽ hiển thị bên cạnh hoặc trên và dưới. Tham khảo bảng sau.

Bên cạnh	Bên cạnh	Trên và dưới
		Trên và dưới

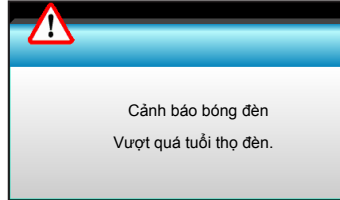
- Đối với hình ảnh hiển thị bên cạnh, chọn "Bên cạnh" trong menu. Menu > "HIỂN THỊ" > "3D" > "Định dạng 3D" > "Bên cạnh".
- Đối với hình ảnh hiển thị ở phía trên và dưới, chọn "trên và dưới" trong menu. Menu > "HIỂN THỊ" > "3D" > "Định dạng 3D" > "Trên và dưới".
Nếu hình 3D nhìn không đúng, bạn cũng có thể cần điều chỉnh Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D. Bật tính năng này nếu hình trông kỳ lạ. Menu > "HIỂN THỊ" > "3D" > "Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D" > "Bật".

Lưu ý: Nếu video đầu vào là 2D thông thường, hãy nhấn "Định dạng 3D" và chuyển sang "- Tự động". Nếu chế độ "SBS" đang hoạt động, nội dung video 2D sẽ không hiển thị thích hợp. Hãy đổi trở về "- Tự động" khi 3D qua PC chỉ hoạt động với các độ phân giải nhất định. Hãy kiểm tra khả năng tương thích ở trang 68.

BẢO DƯỠNG

Thay bóng đèn

Máy chiếu tự động phát hiện tuổi thọ của bóng đèn. Khi bóng đèn gần hết tuổi thọ sử dụng, bạn sẽ nhận được một thông báo cảnh báo.



Khi bạn thấy thông báo này, vui lòng liên hệ với đại lý bán lẻ ở địa phương hoặc trung tâm dịch vụ để thay bóng đèn càng sớm càng tốt. Đảm bảo máy chiếu đã được làm nguội ít nhất 30 phút trước khi thay bóng đèn.



Cảnh báo: Nếu gắn trên trần nhà, hãy thận trọng khi mở ngăn tiếp cận đèn. Bạn nên đeo găng tay bảo hộ khi thay bóng đèn gắn trên trần nhà. "Phải thận trọng để phòng các chi tiết lỏng lẻo rơi ra khỏi máy chiếu."



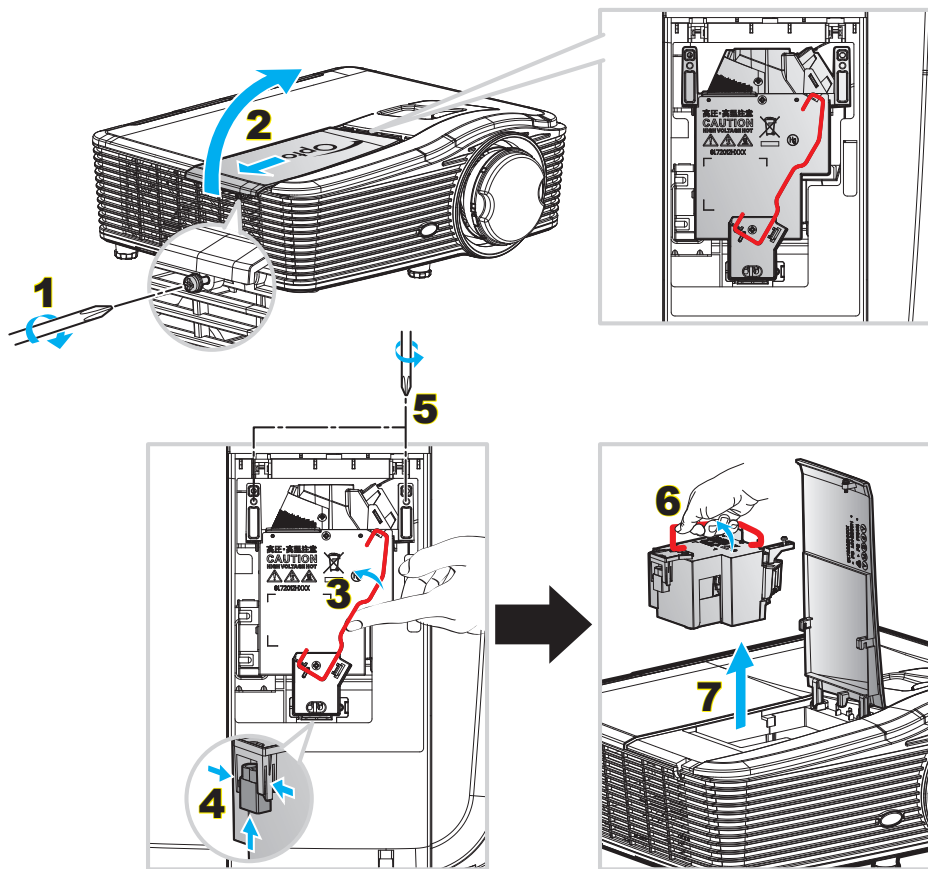
Cảnh báo: Hốc đèn nóng! Hãy chờ nó nguội trước khi thay bóng đèn!



Cảnh báo: Để giảm rủi ro thương tích cá nhân, không làm rơi cụm đèn hoặc chạm vào bóng đèn. Bóng đèn có thể vỡ và gây thương tích nếu bị rơi.

BẢO DƯỠNG

Thay mới đèn (tiếp theo)



Quy trình:

1. Tắt nguồn máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên điều khiển từ xa hoặc trên Bàn phím của máy chiếu.
2. Chờ máy chiếu nguội ít nhất 30 phút.
3. Ngắt dây nguồn.
4. Tháo một ốc vít trên vỏ. **1**
5. Mở nắp đậy. **2**
6. Nâng tay cầm đèn lên. **3**
7. Ấn cả hai bên rồi nâng và tháo dây đèn ra. **4**
8. Tháo một ốc vít trên cụm đèn. **5**
9. Nâng tay cầm của đèn **6** và tháo cụm đèn từ từ và cẩn thận. **7**
10. Để thay cụm đèn, làm ngược trình tự các bước trước.
11. Bật máy chiếu và cài lại đồng hồ đèn.
12. Thiết lập lại đèn: (i) Nhấn "Menu" → (ii) Chọn "Tùy chọn" → (iii) Chọn "Các chế độ của bóng đèn" → (iv) Chọn "Thiết lập lại đèn" → (v) Chọn "Có".

Lưu ý:

- Các ốc vít trên đui đèn và bóng đèn không thể tháo được.
- Không thể bật máy chiếu nếu nắp đậy đèn chưa được lắp trở lại máy chiếu.
- Không chạm vào vùng thủy tinh của bóng đèn. Dầu trên tay có thể làm vỡ đèn. Sử dụng khăn khô để lau cụm đèn nếu vô tình chạm vào đèn.

BẢO DƯỠNG

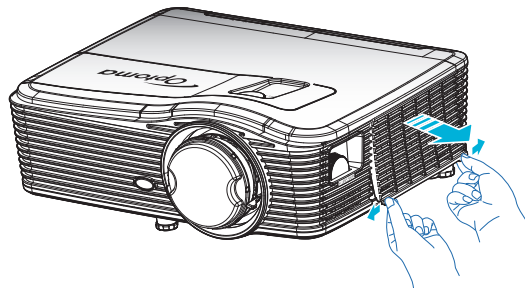
Vệ sinh tấm lọc bụi

Tháo nắp đậy tấm lọc bụi

Quy trình:

CHÚ Ý: Để tránh thiệt hại, bạn cần phải đỡ nắp đậy tấm lọc bụi bằng cả hai tay khi tháo ra.

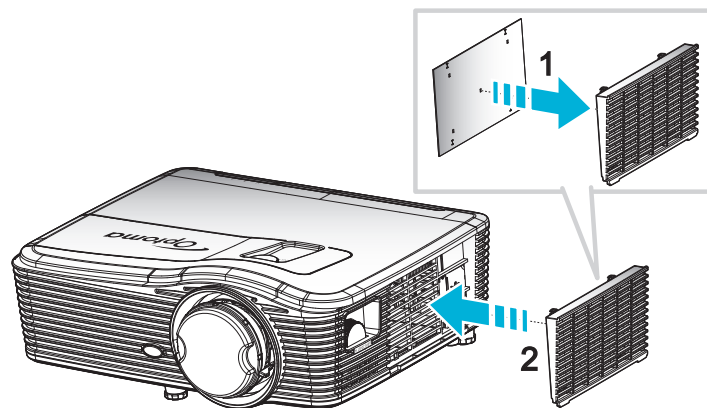
1. Đặt đầu ngón tay trở phía dưới cạnh đáy của nắp đậy tấm lọc bụi.
2. Sử dụng ngón tay cái và ngón trỏ của cả hai tay để giữ chặt nắp đậy tấm lọc.
3. Di chuyển nhẹ nắp đậy tấm lọc bụi sang trái và phải để nhả ra khỏi các chốt cài trên vỏ máy. Và sau đó tháo ra.



Lắp đặt tấm lọc bụi

Quy trình:

1. Gắn các lỗ dẫn trên tấm lọc bụi vào các chốt dẫn trên nắp đậy tấm lọc bụi.
2. Lắp bộ phận nắp đậy tấm lọc bụi vào vỏ máy.



Lưu ý: Các tấm lọc bụi chỉ bắt buộc/được kèm theo máy chiếu ở những khu vực đã chọn có quá nhiều bụi.

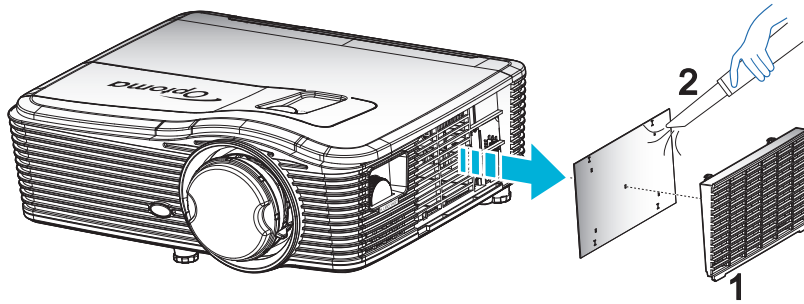
BẢO DƯỠNG

Vệ sinh tấm lọc bụi

Chúng tôi đề nghị vệ sinh tấm lọc bụi 3 tháng một lần; vệ sinh nó thường xuyên hơn nếu máy chiếu được sử dụng trong môi trường có nhiều bụi.

Quy trình:

1. Tắt nguồn máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên điều khiển từ xa hoặc trên Bàn phím máy chiếu.
2. Ngắt dây nguồn.
3. Tháo tấm lọc bụi nhẹ nhàng và cẩn thận.
4. Vệ sinh hoặc thay thế tấm lọc bụi.
5. Để lắp đặt tấm lọc bụi, thực hiện ngược với các bước trước đó.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Tương thích chuẩn HDMI

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
720x400@70Hz	XGA:	Định giờ gốc:	640x480p@60Hz	1366x768@60Hz
640x480@60Hz	1440x900@60Hz	XGA: 1024x768@60Hz	720x480p@60Hz	1920x1080@60Hz
640x480@67Hz	1024x768@120Hz	1080P: 1920x1080@60Hz	1280x720p@60Hz	1920x1200@60Hz (RB)
640x480@72Hz	1280x800@60Hz	WUXGA: 1920x1200@60Hz (RB)	1920x1080i@60Hz	
640x480@75Hz	1280x1024@60Hz		720(1440)x480i@60Hz	
800x600@56Hz	1680x1050@60Hz		1920x1080p@60Hz	
800x600@60Hz	1280x720@60Hz		720x576p@50Hz	
800x600@72Hz	1280x720@120Hz		1280x720p@50Hz	
800x600@75Hz	1600x1200@60Hz		1920x1080i@50Hz	
832x624@75Hz	1080P/WUXGA:		720(1440)x576i@50Hz	
1024x768@60Hz	1280x720@60Hz		1920x1080p@50Hz	
1024x768@70Hz	1280x800@60Hz		1920x1080p@24Hz	
1024x768@75Hz	1280 x1024@60Hz		1920x1080p@30Hz	
1280x1024@75Hz	1400x1050@60Hz			
1152x870@75Hz	1600x1200@60Hz			
	1440x900@60Hz			
	1280x720@120Hz			
	1024x768@120Hz			

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương thích analog VGA

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
720x400@70Hz	XGA:	Định giờ gốc:		1366x768@60Hz
640x480@60Hz	1440x900@60Hz	XGA: 1024x768@60Hz		1920x1080@60Hz
640x480@67Hz	1024x768@120Hz	1080P: 1920x1080@60Hz		1920x1200@60Hz (RB)
640x480@72Hz	1280x800@60Hz	WUXGA: 1920x1200@60Hz (RB)		
640x480@75Hz	1280x1024@60Hz			
800x600@56Hz	1680x1050@60Hz			
800x600@60Hz	1280x720@60Hz			
800x600@72Hz	1280x720@120Hz			
800x600@75Hz	1600x1200@60Hz			
832x624@75Hz	1080P/WUXGA:			
1024x768@60Hz	1280x720@60Hz			
1024x768@70Hz	1280x800@60Hz			
1024x768@75Hz	1280x1024@60Hz			
1280x1024@75Hz	1400x1050@60Hz			
1152x870@75Hz	1600x1200@60Hz			
	1440x900@60Hz			
	1280x720@120Hz			
	1024x768@120Hz			

Tương thích kỹ thuật số cổng màn hình

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
720x400@70Hz	XGA:	Định giờ gốc:	640x480p@60Hz	1366x768@60Hz
640x480@60Hz	1440x900@60Hz	XGA: 1024x768@60Hz	720x480p@60Hz	1920x1080@60Hz
640x480@67Hz	1024x768@120Hz	1080P: 1920x1080@60Hz	1280x720p@60Hz	1920x1200@60Hz
640x480@72Hz	1280x800@60Hz	WUXGA: 1920x1200@60Hz (RB)	1920x1080i@60Hz	
640x480@75Hz	1280x1024@60Hz		720(1440)x480i@60Hz	
800x600@56Hz	1680x1050@60Hz		1920x1080p@60Hz	
800x600@60Hz	1280x720@60Hz		720x576p@50Hz	
800x600@72Hz	1280x720@120Hz		1280x720p@50Hz	
800x600@75Hz	1600x1200@60Hz		1920x1080i@50Hz	
832x624@75Hz	1080P/WUXGA:		720(1440)x576i@50Hz	
1024x768@60Hz	1280x720@60Hz		1920x1080p@50Hz	
1024x768@70Hz	1280x800@60Hz		1920x1080p@24Hz	
1024x768@75Hz	1280x1024@60Hz		1920x1080p@30Hz	
1280x1024@75Hz	1400x1050@60Hz			
1152x870@75Hz	1600x1200@60Hz			
	1440x900@60Hz			
	1280x720@120Hz			
	1024x768@120Hz			

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương thích video 3D trung thực

Độ phân giải đầu vào	Đầu vào HDMI 1.4a 3D	Định giờ đầu vào		
		1280x720P@50Hz	Trên dưới	
		1280x720P@60Hz	Trên dưới	
		1280x720P@50Hz	Đóng gói khung	
		1280x720P@60Hz	Đóng gói khung	
		1920x1080i@50 Hz	Bên cạnh (Một nửa)	
		1920x1080i@60 Hz	Bên cạnh (Một nửa)	
		1920x1080P@24 Hz	Trên dưới	
		1920x1080P@24 Hz	Đóng gói khung	
	HDMI 1,3	1920x1080i@50Hz	Bên cạnh (Một nửa)	Chế độ bên cạnh bật
		1920x1080i@60Hz		
		1280x720P@50Hz		
		1280x720P@60Hz		
		1920x1080i@50Hz	Trên dưới	Chế độ trên và dưới bật
		1920x1080i@60Hz		
		1280x720P@50Hz		
		1280x720P@60Hz		
		480i	HQFS	Định dạng 3D là Khung tuần tự

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

(WUXGA)

Cỡ hình mong muốn						Khoảng cách chiếu (C)			
Đường chéo		Chiều rộng		Chiều cao		Rộng		Xa	
m	inch	m	inch	m	inch	m	foot	m	foot
0,76	30	0,65	25,44	0,4	15,9	\	\	1,4	4,59
0,91	36	0,78	30,53	0,48	19,08	\	\	1,7	5,58
1,02	40	0,86	33,92	0,54	21,2	1,0	3,28	1,8	5,91
1,27	50	1,08	42,4	0,67	26,5	1,3	4,27	2,3	7,55
1,52	60	1,29	50,88	0,81	31,8	1,5	4,92	2,8	9,19
1,78	70	1,51	59,36	0,94	37,1	1,8	5,91	3,2	10,50
2,03	80	1,72	67,84	1,08	42,4	2,1	6,89	3,7	12,14
2,29	90	1,94	76,32	1,21	47,7	2,3	7,55	4,1	13,45
2,54	100	2,15	84,8	1,35	53	2,6	8,53	4,6	15,09
3,05	120	2,58	101,76	1,62	63,6	3,1	10,17	5,5	18,04
3,81	150	3,23	127,2	2,02	79,5	3,9	12,80	6,9	22,64
4,57	180	3,88	152,64	2,42	95,4	4,6	15,09	8,3	27,23
5,08	200	4,31	169,6	2,69	106	5,2	17,06	9,2	30,18
6,35	250	5,38	212	3,37	132,5	6,4	21,00	11,5	37,73
7,62	300	6,46	254,4	4,04	159	7,7	25,26	13,8	45,28

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phạm vi dịch chuyển ống kính					
Tâm ống kính PJ đến đỉnh hình				Phạm vi dịch chuyển hình	
Tăng chiều dọc (Tối đa) (A)	Giảm chiều dọc (Tối thiểu) (B)	Phạm vi dọc ở tâm dịch chuyển ngang (D) = (A) - (B)	Phạm vi dọc ở 1% vị trí ngang	Tăng chiều ngang (Phải)	Giảm chiều ngang (Trái)
48,5	40,4	8,1	7,2	6,5	6,5
58,2	48,5	9,7	8,6	7,8	7,8
64,6	53,9	10,8	9,7	8,6	8,6
80,8	67,3	13,5	12,1	10,8	10,8
96,9	80,8	16,2	14,6	12,9	12,9
113,1	94,2	18,9	16,9	15,1	15,1
129,2	107,7	21,5	19,4	17,2	17,2
145,4	121,2	24,2	21,8	19,4	19,4
161,5	134,6	26,9	24,3	21,5	21,5
193,9	161,5	32,3	29,2	25,9	25,9
242,3	201,9	40,4	36,4	32,3	32,3
290,8	242,3	48,5	43,6	38,8	38,8
323,1	269,2	53,9	48,4	43,1	43,1
403,9	336,6	67,3	60,7	53,9	53,9
484,6	403,9	80,8	72,7	64,6	64,6

Lưu ý:

- Các giá trị Dịch chuyển ống kính dọc luôn được tính từ Tâm Ống Kính Chiều. Do đó, khoảng cách 5,2 cm (5,21 cm) từ Đế đến Tâm Ống Kính Chiều cần phải được thêm vào mỗi giá trị "Dịch chuyển ống kính dọc".
- Tỉ lệ thu phóng là 1,8x.

(1080P)

Cỡ hình mong muốn						Khoảng cách chiếu (C)			
Đường chéo		Chiều rộng		Chiều cao		Rộng		Xa	
m	inch	m	inch	m	inch	m	foot	m	foot
0,76	30	0,66	26,15	0,37	14,71	\	\	1,4	4,59
0,91	36	0,80	31,38	0,45	17,65	1,0	3,28	1,7	5,58
1,02	40	0,89	34,86	0,5	19,6	1,1	3,61	1,9	6,23
1,27	50	1,11	43,58	0,62	24,5	1,3	4,27	2,4	7,87
1,52	60	1,33	52,29	0,75	29,4	1,6	5,25	2,8	9,19
1,78	70	1,55	61,01	0,87	34,3	1,9	6,23	3,3	10,83
2,03	80	1,77	69,73	1	39,2	2,1	6,89	3,8	12,47
2,29	90	1,99	78,44	1,12	44,1	2,4	7,87	4,2	13,78
2,54	100	2,21	87,16	1,25	49	2,6	8,53	4,7	15,42
3,05	120	2,66	104,59	1,49	58,8	3,2	10,50	5,7	18,70
3,81	150	3,32	130,74	1,87	73,5	4,0	13,12	7,1	23,29
4,57	180	3,98	156,88	2,24	88,2	4,8	15,75	8,5	27,89
5,08	200	4,43	174,32	2,49	98,1	5,3	17,39	9,4	30,84
6,35	250	5,53	217,89	3,11	122,6	6,6	21,65	11,8	38,71
7,62	300	6,64	261,47	3,74	147,1	7,9	25,92	14,1	46,26

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phạm vi dịch chuyển ống kính					
Tâm ống kính PJ đến đỉnh hình				Phạm vi dịch chuyển hình	
Tăng chiều dọc (Tối đa) (A)	Giảm chiều dọc (Tối thiểu) (B)	Phạm vi dọc ở tâm dịch chuyển ngang (D) = (A) - (B)	Phạm vi dọc ở 1% vị trí ngang	Tăng chiều ngang (Phải)	Giảm chiều ngang (Trái)
48,6	39,2	9,3	8,3	6,6	6,6
58,3	47,1	11,2	10,1	8,0	8,0
64,8	52,3	12,5	11,3	8,9	8,9
80,9	65,4	15,6	14,0	11,1	11,1
97,1	78,5	18,7	16,9	13,3	13,3
113,3	91,5	21,8	19,6	15,5	15,5
129,5	104,6	24,9	22,5	17,7	17,7
145,7	117,7	28,0	25,2	19,9	19,9
161,9	130,8	31,1	28,1	22,1	22,1
194,3	156,9	37,4	33,5	26,6	26,6
242,8	196,1	46,7	42,1	33,2	33,2
291,4	235,4	56,0	50,4	39,9	39,9
323,8	261,5	62,3	56,0	44,3	44,3
404,7	326,9	77,8	70,0	55,4	55,4
485,7	392,3	93,4	84,2	66,4	66,4

Lưu ý:

- Các giá trị Dịch chuyển ống kính dọc luôn được tính từ Tâm Ống Kính Chiều. Do đó, khoảng cách 5,2 cm (5,21 cm) từ Đế đến Tâm Ống Kính Chiều cần phải được thêm vào mỗi giá trị "Dịch chuyển ống kính dọc".
- Tỉ lệ thu phóng là 1,8x.

(WXGA)

Cỡ hình mong muốn						Khoảng cách chiếu (C)			
Đường chéo		Chiều rộng		Chiều cao		Rộng		Xa	
m	inch	m	inch	m	inch	m	foot	m	foot
0,76	30	0,65	25,44	0,4	15,9	/	/	1,4	4,59
0,91	36	0,78	30,53	0,48	19,08	1,0	3,28	1,7	5,58
1,02	40	0,86	33,92	0,54	21,2	1,1	3,61	1,9	6,23
1,27	50	1,08	42,4	0,67	26,5	1,4	4,59	2,4	7,87
1,52	60	1,29	50,88	0,81	31,8	1,6	5,25	2,9	9,51
1,78	70	1,51	59,36	0,94	37,1	1,9	6,23	3,4	11,15
2,03	80	1,72	67,84	1,08	42,4	2,2	7,22	3,9	12,80
2,29	90	1,94	76,32	1,21	47,7	2,4	7,87	4,3	14,11
2,54	100	2,15	84,8	1,35	53	2,7	8,86	4,8	15,75
3,05	120	2,58	101,76	1,62	63,6	3,2	10,50	5,8	19,03
3,81	150	3,23	127,2	2,02	79,5	4,1	13,45	7,2	23,62
4,57	180	3,88	152,64	2,42	95,4	4,9	16,08	8,7	28,54
5,08	200	4,31	169,6	2,69	106	5,4	17,72	9,6	31,50
6,35	250	5,38	212	3,37	132,5	6,8	22,31	12,0	39,37
7,62	300	6,46	254,4	4,04	159	8,1	26,57	14,4	47,24

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phạm vi dịch chuyển ống kính					
Tâm ống kính PJ đến đỉnh hình				Phạm vi dịch chuyển hình	
Tăng chiều dọc (Tối đa) (A)	Giảm chiều dọc (Tối thiểu) (B)	Phạm vi dọc ở tâm dịch chuyển ngang (D) = (A) - (B)	Phạm vi dọc ở 1% vị trí ngang	Tăng chiều ngang (Phải)	Giảm chiều ngang (Trái)
50,5	42,4	8,1	7,2	6,5	6,5
60,6	50,9	9,7	8,6	7,8	7,8
67,3	56,5	10,8	9,7	8,6	8,6
84,1	70,7	13,5	12,1	10,8	10,8
101,0	84,8	16,2	14,6	12,9	12,9
117,8	99,0	18,8	16,9	15,1	15,1
134,6	113,1	21,5	19,4	17,2	17,2
151,5	127,2	24,2	21,8	19,4	19,4
168,3	141,4	26,9	24,3	21,5	21,5
201,9	169,6	32,3	29,2	25,9	25,9
252,4	212,0	40,4	36,4	32,3	32,3
302,9	254,4	48,5	43,6	38,8	38,8
336,6	282,7	53,9	48,4	43,1	43,1
420,7	353,4	67,3	60,7	53,9	53,9
504,8	424,1	80,8	72,7	64,6	64,6

Lưu ý:

- Các giá trị Dịch chuyển ống kính dọc luôn được tính từ Tâm Ống Kính Chiều. Do đó, khoảng cách 5,2 cm (5,21 cm) từ Đế đến Tâm Ống Kính Chiều cần phải được thêm vào mỗi giá trị "Dịch chuyển ống kính dọc".
- Tỉ lệ thu phóng là 1,8x.

(XGA)

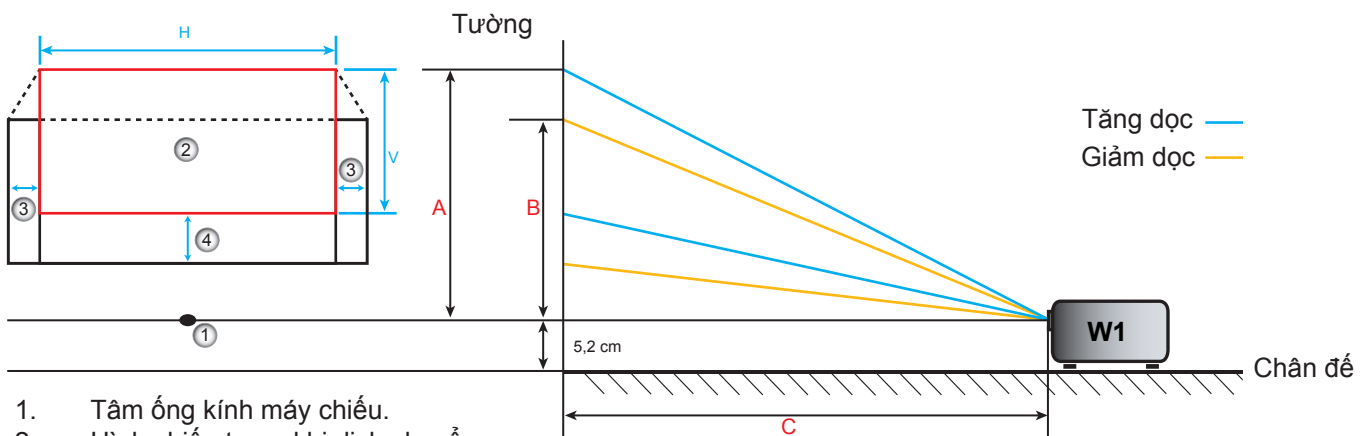
Cỡ hình mong muốn						Khoảng cách chiếu (C)			
Đường chéo		Chiều rộng		Chiều cao		Rộng		Xa	
m	inch	m	inch	m	inch	m	foot	m	foot
0,76	30	0,61	24	0,46	18	\	\	1,3	4,27
1,02	40	0,81	32	0,61	24	1,0	3,28	1,8	5,91
1,27	50	1,02	40	0,76	30	1,3	4,27	2,2	7,22
1,52	60	1,22	48	0,91	36	1,5	4,92	2,7	8,86
1,78	70	1,42	56	1,07	42	1,8	5,91	3,1	10,17
2,03	80	1,63	64	1,22	48	2,0	6,56	3,6	11,81
2,29	90	1,83	72	1,37	54	2,3	7,55	4,0	13,12
2,54	100	2,03	80	1,52	60	2,5	8,20	4,5	14,76
3,05	120	2,44	96	1,83	72	3,0	9,84	5,4	17,72
3,81	150	3,05	120	2,29	90	3,8	12,47	6,7	21,98
4,57	180	3,66	144	2,74	108	4,5	14,76	8,1	26,57
5,08	200	4,06	160	3,05	120	5,0	16,40	9,0	29,53
6,35	250	5,08	200	3,81	150	6,3	20,67	11,2	36,75
7,62	300	6,10	240	4,57	180	7,6	24,93	13,5	44,29

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phạm vi dịch chuyển ống kính					
Tâm ống kính PJ đến đỉnh hình				Phạm vi dịch chuyển hình	
Tăng chiều dọc (Tối đa) (A)	Giảm chiều dọc (Tối thiểu) (B)	Phạm vi dọc ở tâm dịch chuyển ngang (D) = (A) - (B)	Phạm vi dọc ở 1% vị trí ngang	Tăng chiều ngang (Phải)	Giảm chiều ngang (Trái)
48,0	43,4	4,6	4,1	6,1	6,1
64,0	57,9	6,1	5,5	8,1	8,1
80,0	72,4	7,6	6,8	10,2	10,2
96,0	86,9	9,1	8,2	12,2	12,2
112,0	101,4	10,7	9,6	14,2	14,2
128,0	115,8	12,2	11,0	16,3	16,3
144,0	130,3	13,7	12,3	18,3	18,3
160,0	144,8	15,2	13,7	20,3	20,3
192,0	173,7	18,3	16,5	24,4	24,4
240,0	217,2	22,9	20,6	30,5	30,5
288,0	260,6	27,4	24,7	36,6	36,6
320,0	289,6	30,5	27,5	40,6	40,6
400,1	362,0	38,1	34,3	50,8	50,8
480,1	434,3	45,7	41,1	61,0	61,0

Lưu ý:

- Các giá trị Dịch chuyển ống kính dọc luôn được tính từ Tâm Ống Kính Chiếu. Do đó, khoảng cách 5,2 cm (5,21 cm) từ Đế đến Tâm Ống Kính Chiếu cần phải được thêm vào mỗi giá trị "Dịch chuyển ống kính dọc".
- Tỉ lệ thu phóng là 1,8x.



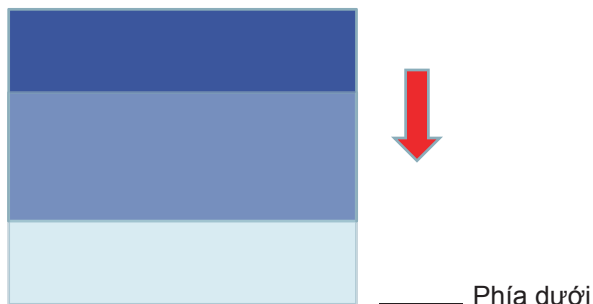
- Tâm ống kính máy chiếu.
- Hình chiếu trong khi dịch chuyển ống kính ở vị trí cao nhất.
- Phạm vi dịch chuyển ngang:
Ngang 10%
- Phạm vi dịch chuyển dọc: 20% V.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Xác định vị trí tâm dịch chuyển ống kính

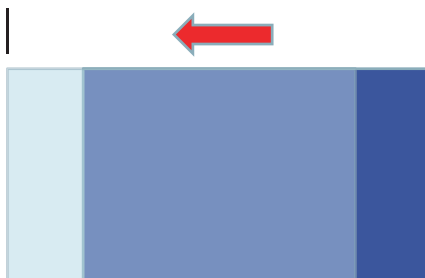
Tâm dịch chuyển ống kính ngang

1. Chỉnh Dịch chuyển dọc cho đến khi hình đạt phạm vi tối đa ở phía dưới.



2. Chỉnh Dịch chuyển ngang cho đến khi hình đạt phạm vi dịch chuyển tối đa sang trái.

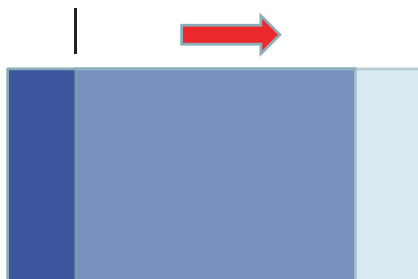
Dịch chuyển tối đa sang trái



Dấu **A** tại đây

3. Chỉnh Dịch chuyển ngang cho đến khi hình đạt phạm vi dịch chuyển tối đa sang phải.

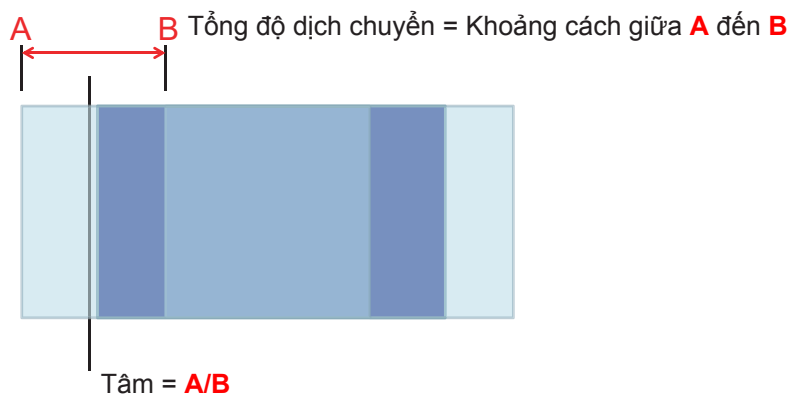
Dịch chuyển tối đa sang phải



Dấu **B** tại đây

THÔNG TIN BỔ SUNG

- Đo khoảng cách giữa Dầu **A** và Dầu **B**, sau đó chia 2 và bố trí hình trở về Dầu **A/B** sang trái. Hình sẽ nằm ở tâm dịch chuyển ngang.

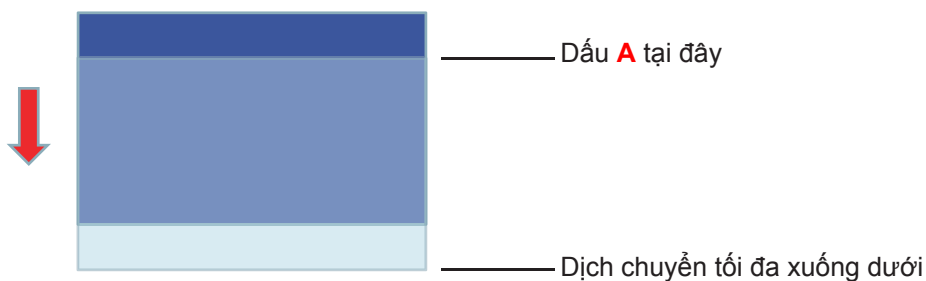


Tâm dịch chuyển ống kính dọc

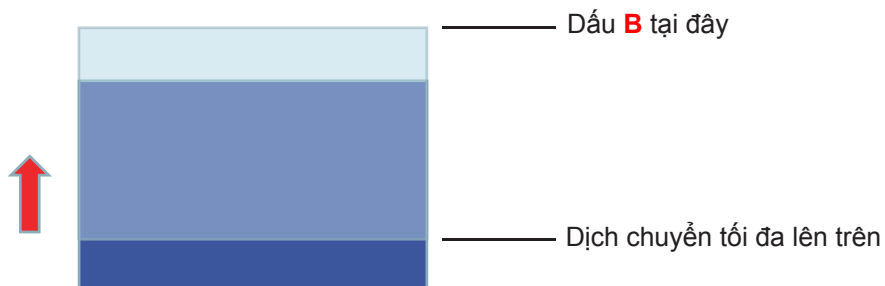
- Hình phải nằm ở tâm dịch chuyển ngang trước khi chỉnh hình sang tâm dịch chuyển dọc.



- Chỉnh Dịch chuyển dọc cho đến khi hình đạt phạm vi dịch chuyển tối đa xuống dưới.

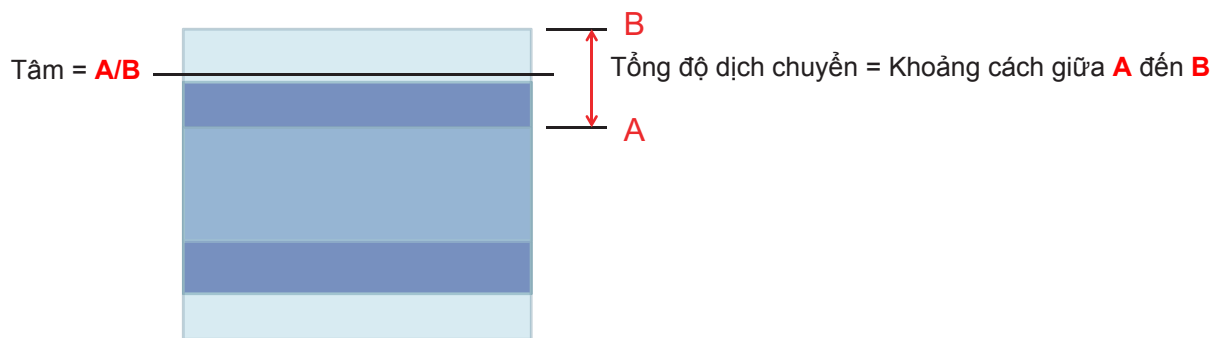


- Chỉnh Dịch chuyển dọc cho đến khi hình đạt phạm vi dịch chuyển tối đa lên trên.



THÔNG TIN BỔ SUNG

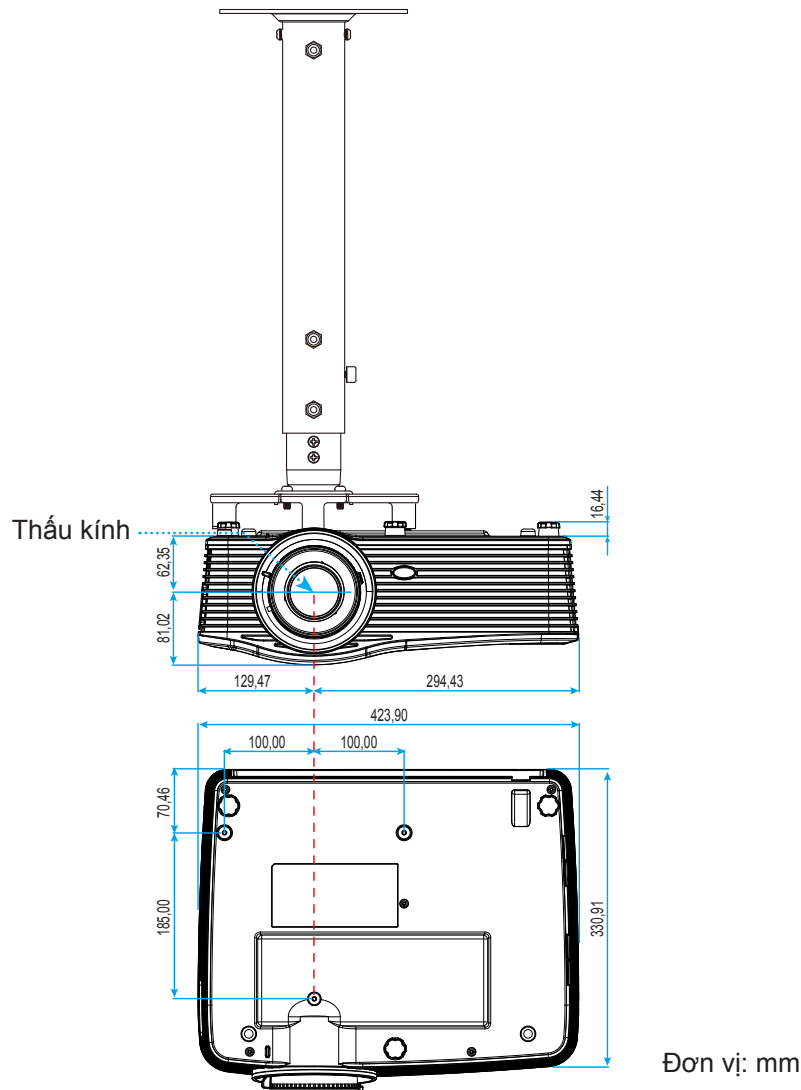
4. Đo khoảng cách giữa Dầu **A** và Dầu **B**, sau đó chia 2 và bố trí hình trở về Dầu **A/B** xuống dưới. Hình sẽ nằm ở tâm dịch chuyển dọc.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần nhà của hãng thứ ba, hãy đảm bảo các ốc vít được sử dụng để gắn vào giá treo máy chiếu đạt các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4*3
 - Chiều dài vít tối thiểu: 10mm



Lưu ý: Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.



Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Danh sách chức năng giao thức RS232

Tốc độ truyền: 9600

Bit dữ liệu: 8

Mã ASCII

Tính chẵn lẻ: Không

Bit dừng: 1

Điều chỉnh dòng: Không

UART16550 FIFO: Vô hiệu hóa

Trở về máy chiếu (Thành công): P

Trở về máy chiếu (Thất bại): F

XX=01-99, mã máy chiếu, XX=00 áp dụng cho mọi máy chiếu

Lưu ý: Có một <CR> sau khi tất cả các lệnh ASCII 0D là mã HEX cho <CR> trong mã ASCII.

SEND to projector			
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Description
~XX00 1	7E 30 30 30 30 20 31 0D	Power ON	
~XX00 0	7E 30 30 30 30 20 30 0D	Power OFF	(0/2 for backward compatible)
~XX00 1	7E 30 30 30 30 20 31 20	Power ON with Password	~nnnn = ~0000 (a=7E 30 30 30 30)
~nnnn	a 0D		~9999 (a=7E 39 39 39 39)
~XX01 1	7E 30 30 30 31 20 31 0D	Resync	
~XX02 1	7E 30 30 30 32 20 31 0D	AV Mute	On
~XX02 0	7E 30 30 30 32 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX03 1	7E 30 30 30 33 20 31 0D	Mute	On
~XX03 2	7E 30 30 30 33 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX04 1	7E 30 30 30 34 20 31 0D	Freeze	
~XX04 0	7E 30 30 30 34 20 30 0D	Unfreeze	(0/2 for backward compatible)
~XX05 1	7E 30 30 30 35 20 31 0D	Zoom Plus	
~XX06 1	7E 30 30 30 36 20 31 0D	Zoom Minus	
~XX12 1	7E 30 30 31 32 20 31 0D	Direct Source Commands	HDMI1
~XX12 15	7E 30 30 31 32 20 31 35 0D		HDMI2
~XX12 20	7E 30 30 31 32 20 32 30 0D		Displayport
~XX12 5	7E 30 30 31 32 20 35 0D		VGA1
~XX12 8	7E 30 30 31 32 20 38 0D		VGA1 Component
~XX12 6	7E 30 30 31 32 20 36 0D		VGA 2
~XX12 13	7E 30 30 31 32 20 31 33 0D		VGA2 Component
~XX12 9	7E 30 30 31 32 20 39 0D		S-Video
~XX12 10	7E 30 30 31 32 20 31 30 0D		Video
~XX12 21	7E 30 30 31 32 20 32 31 0D		HDBaseT (only exists in "T" SKU)
~XX20 1	7E 30 30 32 30 20 31 0D	Display Mode	Presentation
~XX20 2	7E 30 30 32 30 20 32 0D		Bright
~XX20 3	7E 30 30 32 30 20 33 0D		Movie
~XX20 4	7E 30 30 32 30 20 34 0D		sRGB
~XX20 5	7E 30 30 32 30 20 35 0D		User
~XX20 7	7E 30 30 32 30 20 37 0D		Blackboard
~XX20 13	7E 30 30 32 30 20 31 33 0D		DICOM SIM.
~XX20 9	7E 30 30 32 30 20 39 0D		3D
~XX21 n	7E 30 30 32 31 20 a 0D	Brightness	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX22 n	7E 30 30 32 32 20 a 0D	Contrast	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX23 n	7E 30 30 32 33 20 a 0D	Sharpness	n = 1 (a=31) ~ 15 (a=31 35)
~XX45 n	7E 30 30 34 34 20 a 0D	Color (Saturation)	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX44 n	7E 30 30 34 35 20 a 0D	Tint	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX34 n	7E 30 30 33 34 20 a 0D	BrilliantColor™	n = 1 (a=31) ~ 10 (a=31 30)
~XX35 1	7E 30 30 33 35 20 31 0D	Gamma	Film
~XX35 3	7E 30 30 33 35 20 33 0D		Graphics
~XX35 7	7E 30 30 33 35 20 37 0D		2.2
~XX35 5	7E 30 30 33 35 20 35 0D		1.8
~XX35 6	7E 30 30 33 35 20 36 0D		2.0
~XX35 8	7E 30 30 33 35 20 38 0D		2.6
~XX35 10	7E 30 30 33 35 20 31 30 0D		Blackboard
~XX35 11	7E 30 30 33 35 20 31 31 0D		DICOM

THÔNG TIN BỔ SUNG

SEND to projector				
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Description	
~XX36 4	7E 30 30 33 36 20 34 0D	Color Temp.	Warm	
~XX36 1	7E 30 30 33 36 20 31 0D		Standard	
~XX36 2	7E 30 30 33 36 20 32 0D		Cool	
~XX36 3	7E 30 30 33 36 20 33 0D		Cold	
~XX37 1	7E 30 30 33 37 20 31 0D	Color Space	Auto	
~XX37 2	7E 30 30 33 37 20 32 0D		RGB\ RGB(0-255)	
~XX37 3	7E 30 30 33 37 20 33 0D		YUV	
~XX37 4	7E 30 30 33 37 20 34 0D		RGB(16 - 235)	
~XX24 n	7E 30 30 32 34 20 a 0D	RGB Gain/Bias	Red Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX25 n	7E 30 30 32 35 20 a 0D		Green Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX26 n	7E 30 30 32 36 20 a 0D		Blue Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX27 n	7E 30 30 32 37 20 a 0D		Red Bias	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX28 n	7E 30 30 32 38 20 a 0D		Green Bias	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX29 n	7E 30 30 32 39 20 a 0D		Blue Bias	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX517 1	7E 30 30 35 31 37 20 31 0D	RGB Gain/Bias Reset	Reset	
~XX509	7E 30 30 35 30 39 20 0D	Image Settings Reset	Reset	
~XX327 n	7E 30 30 33 32 37 20 a 0D	Color Matching	Red Hue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX333 n	7E 30 30 33 33 33 20 a 0D		Red Saturation	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX339 n	7E 30 30 33 33 39 20 a 0D		Red Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX328 n	7E 30 30 33 32 38 20 a 0D		Green Hue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX334 n	7E 30 30 33 33 34 20 a 0D		Green Saturation	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX340 n	7E 30 30 33 34 30 20 a 0D		Green Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX329 n	7E 30 30 33 32 39 20 a 0D		Blue Hue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX335 n	7E 30 30 33 33 35 20 a 0D		Blue Saturation	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX341 n	7E 30 30 33 34 31 20 a 0D		Blue Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX330 n	7E 30 30 33 33 30 20 a 0D		Cyan Hue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX336 n	7E 30 30 33 33 36 20 a 0D		Cyan Saturation	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX342 n	7E 30 30 33 34 32 20 a 0D		Cyan Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX331 n	7E 30 30 33 33 31 20 a 0D		Yellow Hue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX337 n	7E 30 30 33 33 37 20 a 0D		Yellow Saturation	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX343 n	7E 30 30 33 34 33 20 a 0D		Yellow Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX332 n	7E 30 30 33 33 32 20 a 0D		Magenta Hue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX338 n	7E 30 30 33 33 38 20 a 0D		Magenta Saturation	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX344 n	7E 30 30 33 34 34 20 a 0D		Magenta Gain	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX345 n	7E 30 30 33 34 35 20 a 0D	White	Red	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX346 n	7E 30 30 33 34 36 20 a 0D		Green	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX347 n	7E 30 30 33 34 37 20 a 0D		Blue	n = -50 (a=2D 35 30) ~ 50 (a=35 30)
~XX215 1	7E 30 30 32 31 35 20 31 0D	Reset	Reset	
~XX73 n	7E 30 30 37 33 20 a 0D	Signal (RGB)	Frequency	n = -5 (a=2D 35) ~ 5 (a=35) By signal
~XX91 1	7E 30 30 39 31 20 31 0D		Automatic	On
~XX91 0	7E 30 30 39 31 20 30 0D			Off (0/2 for backward compatible)
~XX74 n	7E 30 30 37 34 20 a 0D		Phase	n = 0 (a=30) ~ 31 (a=33 31) By signal
~XX75 n	7E 30 30 37 35 20 a 0D		H. Position	n = -5 (a=2D 35) ~ 5 (a=35) By timing
~XX76 n	7E 30 30 37 36 20 a 0D		V. Position	n = -5 (a=2D 35) ~ 5 (a=35) By timing
~XX200 n	7E 30 30 32 30 30 20 a 0D	Signal(Video)	White Level	n = 0 (a=30) ~ 31 (a=33 31)
~XX201 n	7E 30 30 32 30 31 20 a 0D		Black Level	n = -5 (a=2D 35) ~ 5 (a=35)
~XX204 1	7E 30 30 32 30 30 24 20 31 0D		0 IRE	
~XX204 0	7E 30 30 32 30 30 24 20 30 0D		7.5 IRE	
~XX60 1	7E 30 30 36 30 20 31 0D	Format	4:3	
~XX60 2	7E 30 30 36 30 20 32 0D		16:9	
~XX60 3	7E 30 30 36 30 20 33 0D		16:10(WUXGA)	

THÔNG TIN BỔ SUNG

SEND to projector			
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Description
~XX60 5	7E 30 30 36 30 20 35 0D		LBX
~XX60 6	7E 30 30 36 30 20 36 0D		Native
~XX60 7	7E 30 30 36 30 20 37 0D		Auto
~XX61 n	7E 30 30 36 31 20 a 0D	Edge mask	n = 0 (a=30) ~ 10 (a=31 30)
~XX62 n	7E 30 30 36 32 20 a 0D	Zoom	n = -5 (a=2D 35) ~ 25 (a=32 35)
~XX63 n	7E 30 30 36 33 20 a 0D	H Image Shift	n = -100 (a=2D 31 30 30) ~ 100 (a=31 30 30)
~XX64 n	7E 30 30 36 34 20 a 0D	V Image Shift	n = -100 (a=2D 31 30 30) ~ 100 (a=31 30 30)
~XX65 n	7E 30 30 36 35 20 a 0D	H Keystone	n = -30 (a=2D 33 30) ~ 30 (a=33 30)
~XX66 n	7E 30 30 36 36 20 a 0D	V Keystone	n = -30 (a=2D 33 30) ~ 30 (a=33 30)
~XX69 1	7E 30 30 36 39 20 31 0D	Auto V.Keystone	On
~XX69 0	7E 30 30 36 39 20 30 0D	Auto V. Keystone	Off
~XX59 1	7E 30 30 35 39 20 31 0D	Four corners (Top-Left)	Right+
~XX59 2	7E 30 30 35 39 20 32 0D		Left+
~XX59 3	7E 30 30 35 39 20 33 0D		Up+
~XX59 4	7E 30 30 35 39 20 34 0D		Down+
~XX59 5	7E 30 30 35 39 20 35 0D	(Top-Right)	Right+
~XX59 6	7E 30 30 35 39 20 36 0D		Left+
~XX59 7	7E 30 30 35 39 20 37 0D		Up+
~XX59 8	7E 30 30 35 39 20 38 0D		Down+
~XX59 9	7E 30 30 35 39 20 39 0D	(Bottom-Left)	Right+
~XX59 10	7E 30 30 35 39 20 31 30 0D		Left+
~XX59 11	7E 30 30 35 39 20 31 31 0D		Up+
~XX59 12	7E 30 30 35 39 20 31 32 0D		Down+
~XX59 13	7E 30 30 35 39 20 31 33 0D	(Bottom-Right)	Right+
~XX59 14	7E 30 30 35 39 20 31 34 0D		Left+
~XX59 15	7E 30 30 35 39 20 31 35 0D		Up+
~XX59 16	7E 30 30 35 39 20 31 36 0D		Down+
~XX516	7E 30 30 35 31 36 20 0D	Four corners reset	Reset
~XX506 0	7E 30 30 35 30 36 20 30 0D	Wall Color	Off
~XX506 2	7E 30 30 35 30 36 20 32 0D		Light Yellow
~XX506 3	7E 30 30 35 30 36 20 33 0D		Light Green
~XX506 4	7E 30 30 35 30 36 20 34 0D		Light Blue
~XX506 5	7E 30 30 35 30 36 20 35 0D		Pink
~XX506 6	7E 30 30 35 30 36 20 36 0D		Gray
~XX230 1	7E 30 30 32 33 30 20 31 0D	3D Mode	DLP-Link
~XX230 3	7E 30 30 32 33 30 20 31 0D		VESA 3D
~XX230 0	7E 30 30 32 33 30 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX400 0	7E 30 30 34 30 30 20 30 0D	3D->2D	3D
~XX400 1	7E 30 30 34 30 30 20 31 0D		L
~XX400 2	7E 30 30 34 30 30 20 32 0D		R
~XX405 0	7E 30 30 34 30 35 20 30 0D	3D Format	Auto
~XX405 1	7E 30 30 34 30 35 20 31 0D		SBS
~XX405 2	7E 30 30 34 30 35 20 32 0D		Top and Bottom
~XX405 3	7E 30 30 34 30 35 20 33 0D		Frame sequential
~XX231 0	7E 30 30 32 33 31 20 30 0D	3D Sync Invert	On
~XX231 1	7E 30 30 32 33 31 20 31 0D	3D Sync Invert	Off
~XX70 1	7E 30 30 37 30 20 31 0D	Language	English
~XX70 2	7E 30 30 37 30 20 32 0D		German
~XX70 3	7E 30 30 37 30 20 33 0D		French
~XX70 4	7E 30 30 37 30 20 34 0D		Italian
~XX70 5	7E 30 30 37 30 20 35 0D		Spanish
~XX70 6	7E 30 30 37 30 20 36 0D		Portuguese
~XX70 7	7E 30 30 37 30 20 37 0D		Polish
~XX70 8	7E 30 30 37 30 20 38 0D		Dutch
~XX70 9	7E 30 30 37 30 20 39 0D		Swedish

THÔNG TIN BỔ SUNG

SEND to projector				
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Description	
~XX70 10	7E 30 30 37 30 20 31 30 0D		Norwegian/Danish	
~XX70 11	7E 30 30 37 30 20 31 31 0D		Finnish	
~XX70 12	7E 30 30 37 30 20 31 32 0D		Greek	
~XX70 13	7E 30 30 37 30 20 31 33 0D		Traditional Chinese	
~XX70 14	7E 30 30 37 30 20 31 34 0D		Simplified Chinese	
~XX70 15	7E 30 30 37 30 20 31 35 0D		Japanese	
~XX70 16	7E 30 30 37 30 20 31 36 0D		Korean	
~XX70 17	7E 30 30 37 30 20 31 37 0D		Russian	
~XX70 18	7E 30 30 37 30 20 31 38 0D		Hungarian	
~XX70 19	7E 30 30 37 30 20 31 39 0D		Czechoslovak	
~XX70 20	7E 30 30 37 30 20 32 30 0D		Arabic	
~XX70 21	7E 30 30 37 30 20 32 31 0D		Thai	
~XX70 22	7E 30 30 37 30 20 32 32 0D		Turkish	
~XX70 23	7E 30 30 37 30 20 32 33 0D		Farsi	
~XX70 25	7E 30 30 37 30 20 32 33 0D		Vietnamese	
~XX70 26	7E 30 30 37 30 20 32 33 0D		Indonesian	
~XX70 27	7E 30 30 37 30 20 32 33 0D		Romanian	
~XX71 1	7E 30 30 37 31 20 31 0D	Projection	Front-Desktop	
~XX71 2	7E 30 30 37 31 20 32 0D		Rear-Desktop	
~XX71 3	7E 30 30 37 31 20 33 0D		Front-Ceiling	
~XX71 4	7E 30 30 37 31 20 34 0D		Rear-Ceiling	
~XX90 1	7E 30 30 39 30 20 31 0D	Screen Type (WXGA/WUXGA)	16:10	
~XX90 0	7E 30 30 39 31 20 30 0D		16:9	
~XX72 1	7E 30 30 37 32 20 31 0D	Menu Location	Top Left	
~XX72 2	7E 30 30 37 32 20 32 0D		Top Right	
~XX72 3	7E 30 30 37 32 20 33 0D		Centre	
~XX72 4	7E 30 30 37 32 20 34 0D		Bottom Left	
~XX72 5	7E 30 30 37 32 20 35 0D		Bottom Right	
~XX77 n	7E 30 30 37 37 20 aabbcc 0D	Security	Security Timer	Month/Day/Hour n = mm/dd/hh mm= 00 (aa=30 30) ~ 12 (aa=31 32) dd = 00 (bb=30 30) ~ 30 (bb=33 30) hh= 00 (cc=30 30) ~ 24 (cc=32 34)
~XX78 1	7E 30 30 37 38 20 31 0D	Security	On	
~XX78 0	7E 30 30 37 38 20 30 20		Off (0/2 for backward compatible)	
~nnnn	a 0D		~nnnn = ~0000 (a=7E 30 30 30 30) ~9999 (a=7E 39 39 39 39)	
~XX79 n	7E 30 30 37 39 20 a 0D	Projector ID	n = 00 (a=30 30) ~ 99 (a=39 39)	
~XX310 0	7E 30 30 33 31 30 20 30 0D	Internal Speaker	Off	
~XX310 1	7E 30 30 33 31 30 20 31 0D		On	
~XX80 1	7E 30 30 38 30 20 31 0D	Mute	On	
~XX80 0	7E 30 30 38 30 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)	
~XX81 n	7E 30 30 38 31 20 a 0D	Volume(Audio)	n = 0 (a=30) ~ 10 (a=31 30)	
~XX93 n	7E 30 30 39 33 20 a 0D	Volume(Mic)	n = 0 (a=30) ~ 10 (a=31 30)	
~XX89 0	7E 30 30 38 39 20 30 0D	Audio Input	Default	
~XX89 1	7E 30 30 38 39 20 31 0D		Audio1	
~XX89 3	7E 30 30 38 39 20 33 0D		Audio2	
~XX89 4	7E 30 30 38 39 20 34 0D		Audio3	
~XX82 1	7E 30 30 38 32 20 31 0D	Logo	Default	
~XX82 2	7E 30 30 38 32 20 32 0D		User	
~XX82 3	7E 30 30 38 32 20 33 0D		Neutral	
~XX83 1	7E 30 30 38 33 20 31 0D	Logo Capture		
~XX88 0	7E 30 30 38 38 20 30 0D	Closed Captioning	Off	
~XX88 1	7E 30 30 38 38 20 31 0D		cc1	
~XX88 2	7E 30 30 38 38 20 32 0D		cc2	
~XX521 0	7E 30 30 35 32 31 20 30 0D	Wireless	Off (0/2 for backward compatible)	
~XX521 1	7E 30 30 35 32 31 20 31 0D	Wireless	On	
~XX454 0	7E 30 30 34 35 34 20 30 0D	Crestron	Off	

THÔNG TIN BỔ SUNG

SEND to projector			
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Description
~XX454 1	7E 30 30 34 35 34 20 31 0D		On
~XX455 0	7E 30 30 34 35 35 20 30 0D	Extron	Off
~XX455 1	7E 30 30 34 35 35 20 31 0D		On
~XX456 0	7E 30 30 34 35 36 20 30 0D	PJLink	Off
~XX456 1	7E 30 30 34 35 36 20 31 0D		On
~XX457 0	7E 30 30 34 35 37 20 30 0D	AMX Device Discovery	Off
~XX457 1	7E 30 30 34 35 37 20 31 0D		On
~XX458 0	7E 30 30 34 35 38 20 30 0D	Telnet	Off
~XX458 1	7E 30 30 34 35 38 20 31 0D		On
~XX459 0	7E 30 30 34 35 38 20 30 0D	HTTP	Off
~XX459 1	7E 30 30 34 35 38 20 31 0D		On
~XX39 1	7E 30 30 33 39 20 31 0D	Input Source	HDMI1
~XX39 7	7E 30 30 33 39 20 37 0D		HDMI2
~XX39 15	7E 30 30 33 39 20 31 35 0D		Displayport
~XX39 5	7E 30 30 33 39 20 35 0D		VGA1
~XX39 6	7E 30 30 33 39 20 36 0D		VGA2
~XX39 9	7E 30 30 33 39 20 39 0D		S-Video
~XX39 10	7E 30 30 33 39 20 31 30 0D		Video
~XX100 1	7E 30 30 31 30 30 20 31 0D	Source Lock	On
~XX100 0	7E 30 30 31 30 30 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX101 1	7E 30 30 31 30 31 20 31 0D	High Altitude	On
~XX101 0	7E 30 30 31 30 31 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX102 1	7E 30 30 31 30 32 20 31 0D	Information Hide	On
~XX102 0	7E 30 30 31 30 32 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX103 1	7E 30 30 31 30 33 20 31 0D	Keypad Lock	On
~XX103 0	7E 30 30 31 30 33 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX348 1	7E 30 30 33 34 38 20 31 0D	Display Mode Lock	On
~XX348 0	7E 30 30 33 34 38 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX195 0	7E 30 30 31 39 35 20 30 0D	Test Pattern	None
~XX195 1	7E 30 30 31 39 35 20 31 0D		Grid
~XX195 2	7E 30 30 31 39 35 20 32 0D		White Pattern
~XX104 1	7E 30 30 31 30 34 20 31 0D	Background Color	Blue
~XX104 2	7E 30 30 31 30 34 20 32 0D		Black
~XX104 3	7E 30 30 31 30 34 20 33 0D		Red
~XX104 4	7E 30 30 31 30 34 20 34 0D		Green
~XX104 5	7E 30 30 31 30 34 20 35 0D		White
~XX11 0	7E 30 30 31 31 20 30 0D	IR Function	Off
~XX11 1	7E 30 30 31 31 20 31 0D		On
~XX11 2	7E 30 30 31 31 20 32 0D		Front
~XX11 3	7E 30 30 31 31 20 33 0D		Top
~XX350 n	7E 30 30 33 35 30 20 a 0D	Remote Code	n = 00 (a=30 30) ~ 99 (a=39 39)
~XX192 0	7E 30 30 31 39 32 20 30 0D	12V Trigger	Off
~XX192 1	7E 30 30 31 39 32 20 31 0D		On
~XX105 1	7E 30 30 31 30 35 20 31 0D	Advanced	Direct Power On On
~XX105 0	7E 30 30 31 30 35 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)
~XX113 0	7E 30 30 31 31 33 20 30 0D		Signal Power On Off
~XX113 1	7E 30 30 31 31 33 20 31 0D		On
~XX106 n	7E 30 30 31 30 36 20 a 0D		Auto Power Off n = 0 (a=30) ~ 180 (a=31 38 30) (min) (5 minutes for each step).
~XX107 n	7E 30 30 31 30 37 20 a 0D		Sleep Timer n = 0 (a=30) ~ 990 (a=39 39 30) (min) (10 minutes for each step).
~XX507 1	7E 30 30 35 30 37 20 31 0D		Sleep Timer On Repeat
~XX507 0	7E 30 30 35 30 37 20 30 0D		Off
~XX114 1	7E 30 30 31 31 34 20 31 0D		Power Eco.(≤0.5W) Mode(Standby)
~XX114 0	7E 30 30 31 31 34 20 30 0D		Active (0/2 for backward compatible)

THÔNG TIN BỔ SUNG

SEND to projector				
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Description	
~XX109 1	7E 30 30 31 30 39 20 31 0D	Lamp Reminder	On	
~XX109 0	7E 30 30 31 30 39 20 30 0D		Off (0/2 for backward compatible)	
~XX110 1	7E 30 30 31 31 30 20 31 0D	Lamp Mode	Bright	
~XX110 2	7E 30 30 31 31 30 20 32 0D		Eco	
~XX110 5	7E 30 30 31 31 30 20 35 0D		Power	
~XX326 0	7E 30 30 33 32 36 20 30 0D	Power /100%		
~XX326 1	7E 30 30 33 32 36 20 31 0D	Power /95%		
~XX326 2	7E 30 30 33 32 36 20 32 0D	Power /90%		
~XX326 3	7E 30 30 33 32 36 20 33 0D	Power /85%		
~XX326 4	7E 30 30 33 32 36 20 34 0D	Power /80%		
~XX111 1	7E 30 30 31 31 31 20 31 0D	Lamp Reset	Yes	
~XX320 1	7E 30 30 33 32 30 20 31 0D	Optional Filter Installed	Yes	
~XX320 0	7E 30 30 33 32 30 20 30 0D		No (0/2 for backward compatible)	
~XX322 0	7E 30 30 33 32 32 20 30 0D	Filter Reminder	Off	
~XX322 1	7E 30 30 33 32 32 20 31 0D		300 hrs	
~XX322 2	7E 30 30 33 32 32 20 32 0D		500 hrs	
~XX322 3	7E 30 30 33 32 32 20 33 0D		800 hrs	
~XX322 4	7E 30 30 33 32 32 20 34 0D		1000 hrs	
~XX323 1	7E 30 30 33 32 33 20 31 0D	Filter Reset	Yes	
~XX313 1	7E 30 30 33 31 33 20 31 0D	Information menu	On	
~XX313 0	7E 30 30 33 31 33 20 30 0D		Off(0/2 for backward compatible)	
~XX112 1	7E 30 30 31 31 32 20 31 0D	Reset	Yes	
~XX210 n	7E 30 30 32 30 30 20 n 0D	Display message on the OSD	n: 1-30 characters	
SEND to emulate Remote				
~XX140 10	7E 30 30 31 34 30 20 31 30 0D		Up	
~XX140 11	7E 30 30 31 34 30 20 31 31 0D		Left	
~XX140 12	7E 30 30 31 34 30 20 31 32 0D		Enter (for projection MENU)	
~XX140 13	7E 30 30 31 34 30 20 31 33 0D		Right	
~XX140 14	7E 30 30 31 34 30 20 31 34 0D		Down	
~XX140 15	7E 30 30 31 34 30 20 31 35 0D		V Keystone +	
~XX140 16	7E 30 30 31 34 30 20 31 36 0D		V Keystone -	
~XX140 17	7E 30 30 31 34 30 20 31 37 0D		Volume -	
~XX140 18	7E 30 30 31 34 30 20 31 38 0D		Volume +	
~XX140 20	7E 30 30 31 34 30 20 32 30 0D		Menu	
~XX140 47	7E 30 30 31 34 30 20 34 37 0D		Source	
SEND from projector automatically				
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Projector Return	Description
when Standby/Warming/Cooling/Out of Range/Lamp fail/Fan Lock/Over Temperature/ Lamp Hours Running Out/ Cover Open			INFO n	n=0 Standby n=1 Warming n=2 Cooling n=3 Out of Range n=4 Lamp fail n=6 Fan Lock/ n=7 Over Temperature n=8 Lamp Hours Running Out

THÔNG TIN BỔ SUNG

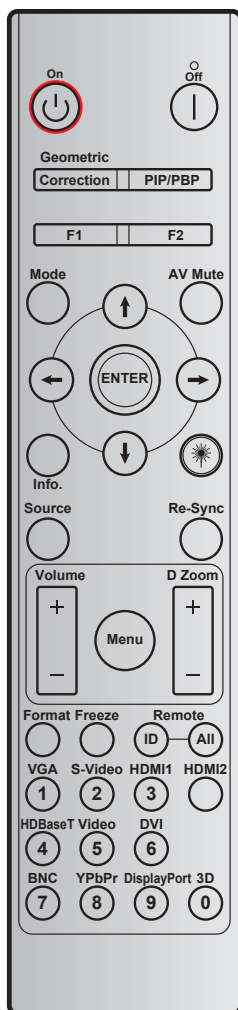
READ from projector				
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Projector Return	Description
~XX121 1	7E 30 30 31 32 31 20 31 0D	Input Source Commands	Okn	n = 0 None n = 7 HDMI1 n = 8 HDMI2 n = 15 Displayport n = 2 VGA1 n = 3 VGA2 n = 5 Video n = 4 S-Video n = 16 HDBaseT
~XX122 1	7E 30 30 31 32 32 20 31 0D	Software Version	OKdddd	dddd: FW version
~XX357 1	7E 30 30 33 35 34 20 31 0D	LAN FW version	Okeeeee	eeee: LAN FW version
~XX123 1	7E 30 30 31 32 33 20 31 0D	Display Mode	Okn	n = 0 None n = 1 Presentation n = 2 Bright n = 3 Movie n = 4 sRGB n = 5 User n = 7 Blackboard n = 12 DICOM SIM. n = 9 3D
~XX124 1	7E 30 30 31 32 34 20 31 0D	Power State	OKn	n=0 Off n=1 On
~XX125 1	7E 30 30 31 32 35 20 31 0D	Brightness	OKn	
~XX126 1	7E 30 30 31 32 36 20 31 0D	Contrast	OKn	
~XX127 1	7E 30 30 31 32 37 20 31 0D	Format	OKn	n = 1 4:3 n = 2 16:9 n = 3 16:10 n = 5 LBX n = 6 Native n = 7 Auto
*16:9 or 16:10 depend on Screen Type setting				
~XX128 1	7E 30 30 31 32 38 20 31 0D	Color Temperature	Okn	n = 0 Standard n = 1 Cool n = 2 Cold n = 3 Warm
~XX129 1	7E 30 30 31 32 39 20 31 0D	Projection Mode	OKn	n = 0 Front-Desktop n = 1 Rear-Desktop n = 2 Front-Ceiling n = 3 Rear-Ceiling
~XX150 1	7E 30 30 31 35 30 20 31 1D	Information	Okabbbbcccdde	a = 0 Off a = 1 On bbbb: LampHour cc: source cc = 00 None cc = 02 VGA1 cc = 03 VGA2 cc = 04 S-Video cc = 05 Video cc = 07 HDMI1 cc = 08 HDMI2 cc = 15 Displayport cc = 16 HDBaseT dddd FW Version

THÔNG TIN BỔ SUNG

READ from projector				
232 ASCII Code	HEX Code	Function	Projector Return	Description
				e = Display mode ee = 00 None ee = 01 Presentation ee = 02 Bright ee = 03 Movie ee = 04 sRGB ee = 05 User ee = 07 Blackboard ee = 09 3D ee = 12 DICOM SIM.
~XX151 1	7E 30 30 31 35 31 20 31 0D	Model name	OKn	n = 2 XGA n = 3 WXGA n = 4 1080p n = 5 WUXGA
~XX108 1	7E 30 30 31 30 38 20 31 0D	Lamp Hours	OKbbbb	bbbb: LampHour
~XX108 2	7E 30 30 31 30 38 20 31 0D	Cumulative Lamp Hours	OKbbbbbb	bbbbbb: (5 digits) Total Lamp Hours
~XX321 1	7E 30 30 33 32 31 20 31 0D	Filter Usage Hours	OKbbbb	bbbb: Filter Usage Hours
~XX87 1	7E 30 30 38 37 20 31 0D	Network Status	Okn	n = 0 Disconnected n = 1 Connected
~XX87 3	7E 30 30 38 37 20 33 0D	IP Address	Okaaa_bbb_ccc_ddd	
~XX351 1	7E 30 30 33 35 31 20 31 0D	Fan1 speed(blower)	Okaaaa	a=0000~9999
~XX352 1	7E 30 30 33 35 32 20 31 0D	System temperature	Okaaa	a=000~999
~XX353 1	7E 30 30 33 35 33 20 31 0D	Serial number	Okaaaaaaaaa aaaaaaa	a=serial number string
~XX354 1	7E 30 30 33 35 34 20 31 0D	Closed Captioning	Oka	a = 0 off a = 1 cc1 a = 2 cc2
~XX355 1	7E 30 30 33 35 35 20 31 0D	AV Mute	Oka	a = 0 Off a = 1 On
~XX356 1	7E 30 30 33 35 36 20 31 0D	Mute	Oka	a = 0 Off a = 1 On
~XX358 1	7E 30 30 33 35 38 20 31 0D	Current watt	Okaaaa	a = 0000~9999


THÔNG TIN BỔ SUNG

Mã điều khiển từ xa hồng ngoại



Phím	Mã khách hàng	Mã dữ liệu		Xác định phím in	Mô tả	
		Byte 1	Byte 2			Byte 3
Tắt nguồn		32	CD	2E	Tắt	Nhấn để tắt máy chiếu.
Bật nguồn	⏻	32	CD	02	Bật	Nhấn để bật máy chiếu.
PIP/PBP	PIP/PBP	32	CD	78	PIP/PBP	Nhấn để sử dụng chức năng PIP/PBP.
Geometric Correction	Hiệu chỉnh	32	CD	96	Geometric Correction	Geometric correction (Hiệu chỉnh hình học).
F2	F2	32	CD	27	F2	Thu phóng theo mặc định.
F1	F1	32	CD	26	F1	Mẫu thử theo mặc định.
Mode	Mode	32	CD	95	Mode	Menu chế độ màn hình bật/tắt.
Mũi tên lên	⬆	32	CD	C6	Mũi tên lên	Sử dụng ⬆⬇⬅➡ để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Mũi tên xuống	⬆	32	CD	C7	Mũi tên xuống	
Mũi tên trái	⬅	32	CD	C8	Mũi tên trái	
Mũi tên phải	➡	32	CD	C9	Mũi tên phải	
Chặn AV		32	CD	03	Chặn AV	Nhấn để tắt/bật loa tích hợp tích hợp trên máy chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím		Mã khách hàng		Mã dữ liệu	Xác định phím in	Mô tả
		Byte 1	Byte 2	Byte 3		
Enter	ENTER	32	CD	C5	ENTER	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Th.tin		32	CD	25	Th.tin	Hiển thị thông tin máy chiếu.
Laser		KHÔNG CÓ	KHÔNG CÓ	KHÔNG CÓ		Dùng làm con trỏ laser.
Source		32	CD	18	Source	Nhấn "Nguồn" để chọn tín hiệu đầu vào.
Re-Sync	Re-Sync	32	CD	04	Re-Sync	Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn đầu vào.
Menu	Menu	32	CD	88	Menu	Nhấn "Menu" để mở menu hiển thị trên màn hình (OSD). Để thoát OSD, nhấn nút "Menu" lần nữa.
Volume	+	32	CD	09	Volume +	Nhấn để chỉnh tăng âm lượng.
	-	32	CD	0C	Volume -	Nhấn để giảm âm lượng.
D Zoom	+	32	CD	08	D Zoom + (Phóng to kỹ thuật số)	Sử dụng ▲ để phóng to hình chiếu.
	-	32	CD	0B	D Zoom - (Thu nhỏ kỹ thuật số)	Sử dụng ▼ để thu nhỏ hình chiếu.
Định dạng	Định dạng	32	CD	15	Định dạng	Nhấn để chọn định dạng máy chiếu.
Đóng băng	Đóng băng	32	CD	06	Đóng băng	Nhấn để treo hình máy chiếu.
Điều khiển từ xa	MÃ SỐ	32	CD	3201 ~ 3299		Cài hoặc cài lại mã tùy chỉnh. Hãy tham khảo trang 87.
	TẤT CẢ	32	CD	32CD		
1/VGA		32	CD	8E	1/VGA	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn để chọn nguồn VGA. Dùng làm số "1" trên bàn phím số.
2/S-Video		32	CD	1D	2/S-Video	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn để chọn nguồn S-video. Dùng làm số "2" trên bàn phím số.
3/HDMI1		32	CD	16	3/HDMI	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn để chọn nguồn HDMI. Dùng làm số "3" trên bàn phím số.
HDMI2		32	CD	9B	HDMI2	Nhấn để chọn nguồn HDMI.
4/HDBaseT		32	CD	70	4/HDBaseT	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn để chọn nguồn HDBaseT. Dùng làm số "4" trên bàn phím số.
5/Video		32	CD	1C	5/Video	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn để chọn nguồn video Composite. Dùng làm số "5" trên bàn phím số.
6		32	CD	19	6	Dùng làm số "6" trên bàn phím số.
7		32	CD	1A	7	Dùng làm số "7" trên bàn phím số.
8/YPbPr		32	CD	17	8/YPbPr	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn để chọn nguồn video thành phần. Dùng làm số "8" trên bàn phím số.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím	Mã khách hàng		Mã dữ liệu	Xác định phím in	Mô tả
	Byte 1	Byte 2	Byte 3		
9/DisplayPort	32	CD	9F	9/DisplayPort	<ul style="list-style-type: none">Nhấn để chọn DisplayPort.Dùng làm số "9" trên bàn phím số.
0/3D	32	CD	89	0/3D	<ul style="list-style-type: none">Nhấn để chọn nguồn 3D.Dùng làm số "0" trên bàn phím số.

Lưu ý:

- Nếu máy chiếu hỗ trợ các tính năng Tiết kiệm động / Bảo dưỡng hình và đã nhấn Tắt âm AV, mức tiêu thụ điện của đèn sẽ thành 30%.

Cài đặt và cài lại mã tùy chỉnh

Để cài mã tùy chỉnh, hãy thực hiện như sau:

- Nhấn phím **ID** trong hơn 3 giây. Trong khi đó, đèn LED màu đỏ sẽ nhấp nháy chậm.
- Nhấn phím **ID** và nhấn hai phím số trong vòng 10 giây để chuyển đổi mã tùy chỉnh.
Ví dụ: nhấn phím **ID** trong hơn 3 giây. Sau đó nhấn phím **0** và **1**. Do đó, mã tùy chỉnh trở thành 3201.

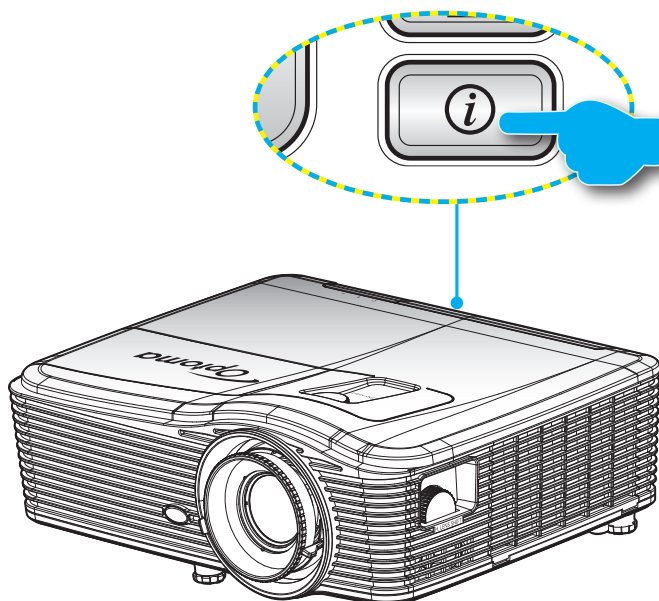
Lưu ý: Nếu bạn nhấn hai phím số sau khoảng 10 giây trôi qua thì mã tùy chỉnh vẫn không thay đổi.

Để cài lại mã tùy chỉnh, nhấn phím **ALL** trong hơn 3 giây. Trong khi đó, đèn LED màu đỏ sẽ nhấp nháy nhanh và mã tùy chỉnh sẽ được cài lại. Ví dụ: nếu mã tùy chỉnh là 3201, nó sẽ trở 32 CD mặc định.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Sử dụng nút Thông tin

Chức năng Thông tin đảm bảo thiết lập và sử dụng dễ dàng. Nhấn nút "?" trên bàn phím để mở menu Thông tin.



- Nút **Thông tin** chỉ hoạt động khi không tìm thấy nguồn đầu vào.

Thông tin	
Số serial	xxxxxxxxxxx
P.bản firmware	Chính C01
	MCU C01
	LAN C01
Nguồn vào hiện tại	VGA 1
Độ phân giải	1280x800
Tỉ lệ làm mới	60.00 Hz
Số giờ đèn hoạt động	
Sáng	0 H
Eco.	0 H
Nguồn	0 H
Số giờ tắt lọc	0 H
Mã nhận dạng (ID)	0
Mã điều khiển	0
Mã điều khiển (hoạt động)	0
Địa chỉ IP	192.168.1.1
Tình trạng mạng	Kết nối
↩ Thoát	

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

- [?]** *Không có hình ảnh trên màn hình*

 - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
 - Kiểm tra xem đèn chiếu có được lắp chắc chắn không. Vui lòng tham khảo phần "Thay bóng đèn".
 - Đảm bảo bạn đã tháo nắp thấu kính và máy chiếu đã bật.

- [?]** *Hình ảnh lệch tiêu điểm*

 - Đảm bảo đã tháo nắp Thấu kính.
 - Điều chỉnh vòng chỉnh tiêu điểm trên thấu kính của máy chiếu.
 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 68-72).

- [?]** *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng LBX, hãy thay đổi định dạng sang LBX trong OSD của máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Nếu hình ảnh vẫn bị kéo giãn, bạn cũng sẽ cần điều chỉnh tỉ lệ màn hình bằng cách tham khảo như sau:
 - Vui lòng cài đặt định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

- [?]** *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

 - Hãy điều chỉnh cần thu phóng nằm bên trên máy chiếu.
 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, vào "HIỂN THỊ-->Định dạng". Thử dùng các cài đặt khác.

- [?]** *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.
 - Sử dụng "Hiển thị--> Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)--> V Keystone (Chỉnh vuông hình thẳng)" từ OSD để thực hiện điều chỉnh.

- [?]** *Hình ảnh bị đảo ngược*

 - Chọn "Cài đặt-->Trình chiếu" từ OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Hình ảnh kép, mờ

- Nhấn nút "Định dạng 3D" và chuyển sang "Tắt" để tránh hình 2D chuẩn là hình đôi bị nhòe.

Hai hình ảnh, định dạng bên cạnh

- Nhấn nút "Định dạng 3D" và chuyển sang "SBS" để tín hiệu đầu vào là HDMI 1.3 2D 1080i bên cạnh.

Hình ảnh không hiển thị ở dạng 3D

- Kiểm tra xem đã hết pin của kính 3D chưa.
- Kiểm tra xem có bật kính 3D không.
- Khi tín hiệu đầu vào là HDMI 1.3 2D (1080i bên cạnh một nửa), hãy nhấn nút "Định dạng 3D" và chuyển sang "SBS".

Các sự cố khác

Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển

- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Bóng đèn cháy hoặc phát nổ

- Khi bóng đèn hết tuổi thọ sử dụng, nó sẽ cháy và có thể phát ra tiếng nổ lớn. Nếu điều này xảy ra, máy chiếu sẽ không bật cho đến khi cụm đèn đã được thay. Để thay mới đèn, hãy thực hiện theo quy trình trong phần "Thay mới đèn" ở trang 62-63.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

Nếu điều khiển từ xa không hoạt động

- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chĩa vào các bộ thu hồng ngoại trên máy chiếu trong phạm vi góc $\pm 15^\circ$ cả theo chiều ngang lẫn chiều thẳng đứng hay không.
- Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 5 mét (16 ft) so với máy chiếu.
- Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
- Thay pin nếu pin đã cạn.

Chỉ báo cảnh báo





Khi các chỉ báo cảnh báo (xem bên dưới) bật, máy chiếu sẽ tự động tắt:

- Chỉ báo LED "ĐÈN" sáng đỏ và nếu chỉ báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" sáng màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" nhấp nháy màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.

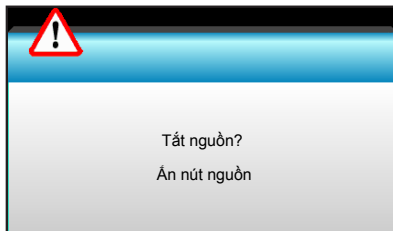
Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu chỉ báo cảnh báo sáng lần nữa, vui lòng liên hệ với trung tâm dịch vụ gần nhất để được trợ giúp.

THÔNG TIN BỔ SUNG

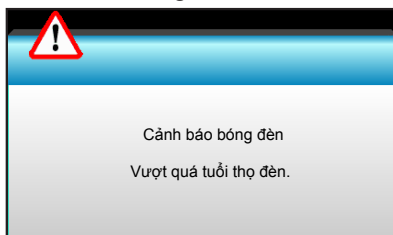
Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	 Đèn LED NGUỒN	 Đèn LED NGUỒN	 Đèn LED nhiệt độ	 Đèn LED bóng đèn
	(Đỏ)	(Lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây / bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và Ánh sáng đèn		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây / sáng 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Bắt đầu lại nhanh (100 giây)		Nhấp nháy (tắt 0,25 giây / sáng 0,25 giây)		
Lỗi (Đèn hồng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hồng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	
Trạng thái chờ (Chế độ thử nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm ấm)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Đề nguội)		Nhấp nháy		

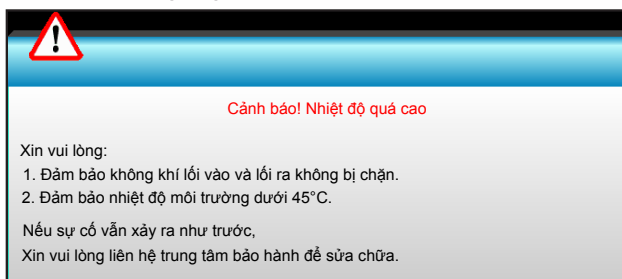
- Tắt nguồn:



- Cảnh báo bóng đèn:

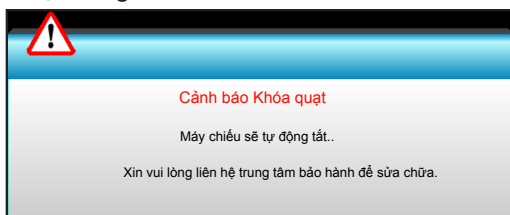


- Cảnh báo nhiệt độ:



THÔNG TIN BỔ SUNG

- Quạt hỏng:



- Ngoài phạm vi hiển thị:



Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả
Độ phân giải tối đa	- DP: 1920x1200@60Hz - HDMI: 1920x1200@60Hz (RB)
Thấu kính	Thu phóng thủ công và lấy nét thủ công - XGA: 15,9~25,5 mm - 1080P: 20,8~31,1 mm - WUXGA: Không có
Đèn	- Chế độ tiết kiệm <= 0,5 W @ 110/220VAC - Chế độ hoạt động (>0,5W; <3W) @ 110/220VAC
Cỡ hình (chéo)	- XGA: 28.6"~308.8" - 1080P: 27.2"~301.1" - WUXGA: 27.9"~301.8"
Khoảng cách chiếu	- XGA: 1,3 ~ 7,8m - 1080p: 1,3 ~ 8,0m - WUXGA: 1,3 ~ 7,8m

THÔNG TIN BỔ SUNG

Nguồn điện	Mô tả
Đầu vào	Đầu cắm HDMI, HDMI+MHL(2.0), USB-B mini (Để nâng cấp firmware), cổng S-Video, DisplayPort, đầu cắm VGA2 In/YPbPr, VGA2 In/YPbPr, cổng Audio3-In (Video/S-Video), Audio1-In(VGA1), Audio2-In(VGA2)
Đầu ra	Đầu ra VGA, Cổng Audio-Out, Đầu ra nguồn USB (1,5A)
Cổng LAN có dây	1 đầu cắm RJ-45 (10/100 BASE-T/100 BASE-TX)
Cổng bảo hành	Đầu cắm RS232C, Cổng đồng bộ hóa 3D VESA, Điều khiển từ xa có dây
Tái tạo màu	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	- Tốc độ quét ngang: 15,375~91,146 KHz - Tốc độ quét dọc: 24~ 85 Hz (120Hz cho tính năng 3D)
Tương thích đồng bộ	Đồng bộ riêng
Các loa tích hợp	Có, 10W
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V AC 50/60Hz
Dòng điện vào	2,5-1,0 A
Tiêu thụ nguồn (giá trị chuẩn)	
Chế độ tiết kiệm tắt	- Chuẩn 445W, tối đa 490W @ 110VAC - Chuẩn 425W, tối đa 470W @ 220VAC
Chế độ tiết kiệm	- Chuẩn 355W, tối đa 390W @ 110VAC - Chuẩn 340W, tối đa 375W @ 220VAC

Cơ học	Mô tả
Hướng lắp đặt	Mặt trước, Mặt sau, Trước trần, Sau trần.
Kích thước	- 424 mm (Rộng) x 344 mm (Dày) x 120 mm (cao) (không có chân đế) - 424 mm (Rộng) x 344 mm (Dày) x 160 mm (cao) (có chân đế)
Trọng lượng	6,4 kg
Điều kiện môi trường	Hoạt động: 5 ~ 40°C ở Chế độ sáng (chế độ thường), độ ẩm 10% - 85% (không ngưng tụ) Hoạt động: 5 ~ 45°C ở Chế độ tiết kiệm, độ ẩm 10% - 85% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.




Hoa Kỳ

3178 Laurelview Ct.
Fremont, CA 94538, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Canada

3178 Laurelview Ct.
Fremont, CA 94538, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Mỹ Latin

3178 Laurelview Ct.
Fremont, CA 94538, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com



Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills,
Hemel Hempstead, Herts, HP1 2UJ
United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com




Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0253
 +31 (0) 36 548 9052


Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr




Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32




Đức

Wiesenstrasse 21 W
D40549 Düsseldorf,
Germany

 +49 (0) 211 506 6670
 +49 (0) 211 506 66799
 info@optoma.de

Scandinavia



Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway


Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.
4F,Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,
seoul,135-815, KOREA

 +82+2+34430004
 +82+2+34430005




Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18
株式会社オーエス
コンタクトセンター:0120-380-495

 info@os-worldwide.com
www.os-worldwide.com



Đài Loan

12F., No.213, Sec. 3, Beixin Rd.,
Xindian Dist., New Taipei City 231,
Taiwan, R.O.C.
www.optoma.com.tw

 +886-2-8911-8600
 +886-2-8911-6550
 services@optoma.com.tw
asia.optoma.com



Hồng Kông

Unit A, 27/F Dragon Centre,
79 Wing Hong Street,
Cheung Sha Wan,
Kowloon, Hong Kong

 +852-2396-8968
 +852-2370-1222
www.optoma.com.hk

Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

